

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**PHẠM VĂN THẮNG  
LỚP CAO HỌC XÂY DỰNG KHÓA 2**

**GIẢI PHÁP QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH HẠ  
TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI PHÍA ĐÔNG HÒN CẶP  
BÈ- THÀNH PHỐ HẠ LONG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KỸ THUẬT**

**CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH  
DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP  
MÃ SỐ: 60.58.02.08**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:  
NHÀ GIÁO UỪ TÚ.TS.ĐỖ ĐÌNH ĐỨC**

**Hải Phòng, tháng 1 năm 2017**

## LỜI CẢM ƠN

Trước hết tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Nhà giáo ưu tú, TS Đỗ Đình Đức người đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ chỉ bảo và cung cấp tài liệu cho tác giả trong suốt quá trình nghiên cứu thực hiện và hoàn thiện luận văn này;

Tác giả xin cảm ơn các Thầy Cô giáo, các cán bộ Khoa Xây dựng, Hội đồng khoa học – đào tạo, Ban giám hiệu Trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã nhiệt tình giúp đỡ, truyền thụ nhiều kiến thức, kinh nghiệm quý báu trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu tại trường; xin cảm ơn Công ty TNHH phát triển đô thị Quảng Ninh đã tạo điều kiện giúp đỡ tác giả trong quá trình thực hiện luận văn;

Tác giả xin gửi lời chi ân sâu sắc tới cơ quan, bạn bè, đồng nghiệp và gia đình đã động viên giúp đỡ, tạo điều kiện để tác giả hoàn thành luận văn của mình.

*Hải Phòng, ngày 16 tháng 1 năm 2017*  
TÁC GIẢ

Phạm Văn Thắng

## LỜI CAM ĐOAN

Tên tôi là: Phạm Văn Thắng

Sinh ngày: 20/12/1978

Nơi sinh : Quảng Ninh

Nơi công tác: Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh

Tôi xin cam đoan Luận văn tốt nghiệp Cao học ngành Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp với đề tài “*Giải pháp quản lý chất lượng công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè- thành phố Hạ Long*” là luận văn của cá nhân tôi thực hiện và là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu, kết quả nghiên cứu của luận văn là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và chưa từng được công bố trong bất cứ công trình nào khác.

*Hải Phòng, ngày 16 tháng 01 năm 2017*

TÁC GIẢ

Phạm Văn Thắng

# MỤC LỤC

Lời cảm ơn

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các ký hiệu, chữ cái viết tắt

Danh mục các hình vẽ

Trang

## A. MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
3. Mục đích nghiên cứu .....	2
4. Nội dung, phương pháp nghiên cứu.....	2
5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.....	2
6. Kết cấu luận văn.....	2

## B. NỘI DUNG

### CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

1.1. Quản lý CLCT xây dựng tại Việt Nam.....	3
1.2. Quản lý chất lượng công trình xây dựng tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.....	5
1.3 Thực trạng quản lý chất lượng thi công xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè- thành phố Hạ Long.....	7
1.3.1 Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội thành phố Hạ Long.....	7
1.3.2. Dự án Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè.....	9
1.3.3 Mô hình và giải pháp quản lý dự án tại công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè- thành phố Hạ Long.....	14
1.3.4. Hoạt động quản lý chất lượng thi công công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè- thành phố Hạ Long.....	18
1.3.5. Thuận lợi và khó khăn trong quản lý chất lượng hạ tầng kỹ thuật	

công trình Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè- thành phố Hạ Long.....	28
1.3.6 Một số tồn tại về chất lượng thi công đường và hệ thoát nước công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè- thành phố Hạ Long.....	30
1.4. Ưu điểm, hạn chế trong QLCL thi công công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè- thành phố Hạ Long.....	32
1.4.1. Ưu điểm.....	32
1.4.2. Hạn chế.....	33
1.4.3. Nguyên nhân.....	34
1.5. Nhận xét chương I.....	35

## **CHƯƠNG II: CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ PHÁP LÝ VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG.**

2.1. Cơ sở khoa học về chất lượng công trình xây dựng.....	36
2.1.1. Khái niệm chất lượng và quản lý chất lượng CTXD.....	36
2.1.2. Sự cần thiết của quản lý chất lượng CTXD.....	38
2.1.3. Vai trò của công tác quản lý chất lượng.....	40
2.1.4 Mục đích của công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng.....	41
2.1.5. Yêu cầu của công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng.....	41
2.1.6. Quá trình hình thành chất lượng công trình xây dựng.....	43
2.1.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng công trình xây dựng.....	47
2.1.8. Các cấp độ quản lý chất lượng công trình.....	49
2.2. Cơ sở pháp lý về quản lý chất lượng công trình xây dựng.....	51
2.2.1 Các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương về quản lý chất lượng CTXD.....	51
2.2.2. Các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Quảng Ninh về quản lý chất lượng CTXD.....	58
2.3. Nhận xét chương II.....	60

### **CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QLCLCT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI PHÍA ĐÔNG HỒN CẶP BÈ, THÀNH PHỐ HẠ LONG**

3.1 Mô hình quản lý dự án.....	61
3.2 Giải pháp cơ cấu tổ chức.....	61
3.3 Giải pháp lựa chọn nhà thầu xây dựng và tư vấn giám sát.....	64
3.4. Phê duyệt biện pháp thi công của nhà thầu xây lắp.....	65
3.5. Quản lý, nghiệm thu chuyển tiếp, mối nối thi công.....	68
3.6. Kiểm soát vật liệu đầu vào và kết cấu lắp ghép.....	68
3.7. Quản lý, thực hiện chỉ dẫn kỹ thuật của CĐT.....	70
3.8 Xử lý sai phạm kỹ thuật tại công trường, giao ban về CLCT.....	71
3.9. Tăng cường cơ sở vật chất.....	72
3.10. Lưu trữ, quản lý hồ sơ xây dựng công trình .....	73
3.11. Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn của các cơ quan QLNN.....	73
3.11. Nhận xét chương III.....	74

### **PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

1. Kết luận.....	75
2. Kiến nghị.....	76
3. Tài liệu tham khảo.....	78
4. Mục lục	

## DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Viết tắt	Cụm từ viết tắt
CĐT	Chủ đầu tư
CLCT	Chất lượng công trình
CTXD	Công trình xây dựng
NSNN	Ngân sách nhà nước
QLCLCT	Quản lý chất lượng công trình
QLCL	Quản lý chất lượng
QLDA	Quản lý dự án
QPPL	Quy phạm pháp luật
QPKT	Quy phạm kỹ thuật
TVGS	Tư vấn giám sát
UBND	Ủy ban Nhân dân

## DANH MỤC HÌNH VẼ

<b>Số hiệu hình</b>	<b>Tên hình</b>
Hình 1.1	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới hòn Cặp Bè
Hình 1.2	Sơ đồ, cơ cấu tổ chức bộ máy của Chủ đầu tư
Hình 1.3	Sơ đồ, cơ cấu Quản lý dự án
Hình 1.4	Sơ đồ, cơ cấu tổ chức nhà thầu thi công
Hình 1.5	Sơ đồ, cơ cấu tổ chức tư vấn giám sát thi công
Hình 1.6	Sơ đồ, cơ cấu tổ chức tư vấn thiết kế
Hình 1.7	Sơ đồ, cơ cấu tổ chức tư vấn kiểm định CLCT
Hình 1.8	Cống hộp thoát nước mưa qua đường
Hình 1.9	Công tác thi công Kè thoát nước mưa
Hình 1.10	Hố ga BTCT thu gom mạng lưới nước mưa
Hình 1.11	Mạng lưới hố ga BTCT thu gom nước thải
Hình 2.1	Mô hình quản lý nhà nước về chất lượng CTXD
Hình 2.2	Mô hình Hệ thống VBPL QLCL CTXD
Hình 3.1	Sơ đồ, cơ cấu tổ chức Ban QLDA công trình



## A. MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài:

Những năm gần đây, Việt Nam đã và đang tích cực tham gia vào các tổ chức, diễn đàn quốc tế như: APEC, AFTA, WTO, ASEAN,...Do đó, nền kinh tế của nước ta đã có những thay đổi đáng kể, nổi bật. Nhu cầu về đầu tư về xây dựng là rất lớn, có thể nói ngành xây dựng là một trong những nhân tố quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước;

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, nước ta từng bước chuyển đổi nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa, các dự án xây dựng công trình nói chung, công trình hạ tầng kỹ thuật nói riêng ngày càng đa dạng và có quy mô lớn vì vậy công tác quản lý cần chuyên nghiệp hơn đáp ứng các tiêu chí của quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các công trình hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng đã góp phần nâng cao chất lượng đô thị tạo lập được các không gian đáp ứng hài hòa các nhu cầu sử dụng cho con người cả về vật chất và tinh thần, phát huy hiệu quả vốn đầu tư. Bên cạnh đó còn có những công trình hạ tầng kỹ thuật xây dựng chất lượng thấp không đạt yêu cầu, có những công trình vừa xây dựng xong đã xuống cấp, hư hỏng gây bức xúc trong nhân dân, lãng phí tiền của xã hội;

Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè được đầu tư xây dựng tại thành phố Hạ Long với yêu cầu cao về kỹ thuật nhằm đáp ứng chất lượng sống trước mắt và lâu dài của cư dân, một trong các yêu cầu quan trọng đó là hệ thống hạ tầng kỹ thuật được quản lý để có chất lượng tốt;

Xuất phát từ thực tiễn trên, tác giả chọn đề tài: ***“Giải pháp quản lý chất lượng công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè-thành phố Hạ Long”*** để nghiên cứu, với mong muốn góp phần là sáng tỏ lý luận về QLCLCT xây dựng hạ tầng kỹ thuật, phân tích những tồn tại, hạn chế trong công tác QLCLCT xây dựng, tìm hiểu nguyên nhân để đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác QLCLCT hạ tầng kỹ thuật của các dự án đầu tư xây

dựng khu đô thị mới nói chung và Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè- thành phố Hạ Long nói riêng.

## **2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:**

- Đối tượng nghiên cứu: Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu các giải pháp quản lý chất trong giai đoạn thi công hệ thống đường đô thị và thoát nước hạ tầng Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;

## **3. Mục đích nghiên cứu:**

Đánh giá thực trạng QLCLCT hạ tầng kỹ thuật để đề ra giải pháp quản lý nhằm hoàn thiện công tác quản lý chất lượng hệ thống kỹ thuật dự án Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè, thành phố Hạ Long.

## **4. Nội dung, phương pháp nghiên cứu:**

- Nghiên cứu lý thuyết;
- Phương pháp thu thập phân tích số liệu, tổng hợp;
- Phương pháp khảo sát thực tế, thống kê.

## **5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài:**

- Góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về quản lý CLCT;
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý CLCT tại Ban QLDA công trình Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới phía Đông hòn cặp bè thành phố Hạ Long;

## **6. Kết cấu luận văn:**

Ngoài phần mở đầu, kết luận kiến nghị và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu thành ba chương:

Chương I: Tổng quan về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Chương II: Cơ sở khoa học và pháp lý về công tác quản chất lượng công trình xây dựng;

Chương III: Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng công trình Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới phía Đông hòn cặp bè, thành phố Hạ Long;

## **B. NỘI DUNG**

### **CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

#### **1.1. Quản lý chất lượng công trình xây dựng tại Việt Nam**

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển của các ngành kinh tế trong nước, ngành xây dựng là một trong những ngành mũi nhọn góp phần quan trọng vào mức tăng trưởng chung tổng sản phẩm trong nước;

Hàng năm các dự án công trình của ngành xây dựng hoàn thành đã tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, là bước đột phá trong áp dụng các công nghệ mới trong xây dựng giúp tiết kiệm thời gian, giảm giá thành công trình, tăng độ bền vững cho các công trình; Nhiều công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện... có chất lượng tốt đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của đất nước. Hầu hết các công trình, hạng mục công trình được đưa vào sử dụng trong thời gian qua đều đáp ứng được yêu cầu về chất lượng, quy mô, công suất, công năng sử dụng theo thiết kế, đảm bảo an toàn chịu lực, an toàn trong vận hành và đã phát huy được hiệu quả đầu tư (Đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, Hà Nội – Lào Cai, cầu Nhật Tân, cầu Mỹ Thuận, hầm Hải Vân, hầm Thủ Thiêm, cao tốc TP Hồ Chí Minh – Trung Lương; các nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh, Thái Bình, Vũng Áng, Vĩnh Tân, thủy điện Hòa Bình, Sơn La, Thác Bà; Các trung tâm thương mại: Keangnam Hà Nội, Lotte Center Hà Nội, Bến Thành Tower, Sai Gon Tower...);

Công tác quản lý nhà nước về CLCT xây dựng của các cơ quan chuyên môn về xây dựng được quan tâm, chỉ đạo nhất là công tác thẩm tra, thẩm định thiết kế - dự toán, công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng các công trình đầu tư xây dựng.

Theo báo cáo ngành Xây dựng, trong năm 2015 theo thống kê chưa đầy đủ của Bộ Xây dựng và 20 địa phương [12]

- Tổng số dự án sử dụng nguồn vốn NSNN được Bộ Xây dựng và các địa phương thẩm định là 1204 dự án với tổng mức đầu tư trước khi thẩm định là 49.631 tỉ đồng; giá trị tổng mức đầu tư sau thẩm định là 48.736 tỉ đồng; cắt giảm được 895 tỉ (tương đương 1,8% tổng mức đầu tư);

- Tổng số các công trình phải thẩm định thiết kế, dự toán là 4.587 công trình, theo đó:

+ Tổng giá trị dự toán trước thẩm định khoảng 31.562 tỉ đồng, giá trị giảm trừ sau thẩm định là 1.585 tỉ đồng (tương đương 5,02%);

+ Tỷ lệ hồ sơ phải sửa đổi, bổ sung thiết kế do Bộ Xây dựng thẩm định khoảng 17,5% do các địa phương thẩm định khoảng 26,4%;

Qua kiểm tra trong quá trình thi công các nghiệm thu trước khi đưa công trình vào khai thác sử dụng, đã phát hiện một số tồn tại, sai sót trong công tác khảo sát, thiết kế, quản lý chất lượng, thi công, giám sát thi công xây dựng và yêu cầu chủ đầu tư, các nhà thầu chấp hành và sửa đổi bổ sung kịp thời. Năm 2015 đã tổ chức kiểm tra 12.440 công trình, trong đó trên 97% số lượng công trình đạt yêu cầu, đủ điều kiện đưa vào sử dụng còn lại đã yêu cầu khắc phục tồn tại, sai sót để đảm bảo an toàn trước khi đưa vào khai thác, sử dụng.

Công tác quản lý đầu tư xây dựng nói chung, công tác QLCLCT xây dựng nói riêng những năm vừa qua ngày được nâng cao, phần lớn các công trình xây dựng về cơ bản đã được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật trước khi được bàn giao, đưa vào sử dụng.

Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật, những năm vừa qua quá trình đô thị hoá đã và đang diễn ra nhanh chóng trên phạm vi của cả nước. Với sự chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, các ngành và lãnh đạo chính quyền địa phương cùng với sự tài trợ của các tổ chức quốc tế ADB, WB, . . và các nước trên thế giới nên nhiều công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị như hệ thống giao thông, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng, cây xanh, thu gom và xử lý chất thải rắn . . của các đô thị đặc biệt các đô thị tỉnh lỵ được đầu tư xây dựng, cải tạo và phát triển khá nhanh, bước đầu đã góp phần phục vụ sản xuất, đời sống của người dân đô thị và đang

từng bước hoàn thiện để đảm bảo một cơ sở vật chất thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội, làm tiền đề để nâng cao điều kiện sống góp phần xoá đói giảm nghèo của người dân cũng như tạo lập một nền tảng phát triển đô thị bền vững;

Mặc dù được quan tâm đầu tư nhưng các công trình kỹ thuật hạ tầng tại nhiều đô thị vẫn còn thiếu, xuống cấp nghiêm trọng: Giao thông đô thị chưa đáp ứng nhu cầu đi lại của dân cư, các phương tiện giao thông ngày càng tăng nhanh, các hiện tượng ùn tắc giao thông vẫn xảy ra thường xuyên. Dịch vụ cấp nước chưa đáp ứng nhu cầu của người dân, nhiều vùng, đặc biệt nhiều đô thị nhỏ hiện còn dùng nước chưa qua xử lý, tỷ lệ thất thoát nước vẫn còn ở mức cao, hệ thống đường ống cấp nước chưa đồng bộ, chập vá, rò rỉ. Thoát nước đô thị thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, tình trạng ngập úng thường xảy ra đặc biệt tại thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Quảng Ninh.... Nước thải phần lớn chưa được xử lý, chảy thẳng ra sông hồ gây ô nhiễm môi trường. Thu gom và xử lý chất thải rắn đô thị chưa được quan tâm và đầu tư đúng mức.

## **1.2. Quản lý chất lượng công trình xây dựng tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**

Thành phố Hạ Long được xác định là thành phố du lịch biển văn minh, thân thiện, trung tâm du lịch đẳng cấp quốc tế, với hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ. Những năm vừa qua với Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hạ Long đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt (Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 9-10-2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh) là cơ sở pháp lý cho công tác quản lý xây dựng và triển khai tiếp công tác đầu tư xây dựng đô thị theo quy hoạch, tạo thuận lợi cho các chương trình phát triển các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực đảm bảo kinh tế- xã hội của thành phố Hạ Long đến năm 2030;

Công tác đầu tư xây dựng được quan tâm đầu tư lớn, hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật được đầu tư phát triển tương đối đồng bộ, từng bước đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước,

tỉnh đã đẩy mạnh huy động vốn đầu tư bằng nhiều hình thức như PPP, BOT, BT, ODA để xây dựng hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải thành phố Hạ Long...

Công tác QLCLCT xây dựng tỉnh Quảng Ninh nói chung và thành phố Hạ Long nói riêng nhất là các công trình hạ tầng kỹ thuật đã được kiểm soát chặt chẽ về chất lượng, kỹ thuật cụ thể: Sau khi Luật Xây dựng năm 2003 có hiệu lực, để quản lý đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 4052/2005/QĐ-UBND ngày 26/10/2005 “V/v ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh” trong đó giao cho Ban quản lý dự án I làm đầu mối theo dõi quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, vệ sinh môi trường, trực tiếp làm tư vấn giám sát thi công công trình. Đến nay đã được thay thế bằng Quyết định số 2999/2016/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND tỉnh “Quy định hướng dẫn quản lý dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, trong đó UBND cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước toàn diện về tiến độ, chất lượng các dự án, các công trình đầu tư có nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn;

Mặc dù công tác QLCL đã được quản lý ngay từ đầu, tuy nhiên hạ tầng kỹ thuật đô thị thành phố Hạ Long còn một số tồn tại như việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị như đường xá, đường ống cấp thoát nước, cấp điện ngầm - thi công xây dựng không cùng thời điểm, không cùng thời gian do đó một số tuyến đường trong đô thị thường đào lên lấp xuống trong thời gian rất ngắn đã ảnh hưởng đến chất lượng công trình xây dựng. Việc xây dựng và phát triển các khu đô thị mới với các quy mô lớn, nhỏ khác nhau, các đơn vị và chủ đầu tư cũng khác nhau được xây dựng khá đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật ở bên trong ranh giới đất được giao, tuy nhiên còn thiếu sự khớp nối giữa các công trình hạ tầng bên trong và bên ngoài hàng rào dự án;

### **1.3 Thực trạng quản lý chất lượng thi công xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè- thành phố Hạ Long**

#### **1.3.1 Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội thành phố Hạ Long**

##### **1.3.1.1 Điều kiện tự nhiên**

Thành phố Hạ Long nằm ở trung tâm của tỉnh Quảng Ninh có diện tích đất là 27.195,03 ha, có quốc lộ 18A chạy qua tạo thành chiều dài của Thành phố, có cảng biển, có bờ biển dài 50km, có vịnh Hạ Long với diện tích 434km<sup>2</sup>;

Với địa hình đa dạng và phức tạp, là một trong những khu vực hình thành lâu đời nhất trên lãnh thổ Việt Nam, bao gồm cả đồi núi, thung lũng, vùng ven biển và hải đảo, được chia thành các vùng rõ rệt:

Vùng đồi núi bao bọc phía bắc và đông bắc (phía bắc quốc lộ 18A) chiếm 70% diện tích đất của Thành phố, có độ cao trung bình từ 150m đến 250m, chạy dài từ Yên Lập đến Hà Tu, đỉnh cao nhất là 504m. Dải đồi núi này thấp dần về phía biển, độ dốc trung bình từ 15-20%, xen giữa là các thung lũng nhỏ hẹp.

Vùng ven biển ở phía nam quốc lộ 18A, độ cao trung bình từ 0.5 đến 5m. Vùng hải đảo là toàn bộ vùng vịnh, với gần hòn đảo lớn nhỏ, chủ yếu là đảo đá. Riêng đảo Tuần Châu, rộng trên 400ha nay đã có đường nối với quốc lộ 18A dài khoảng 2km.

*Khí hậu:* Mang các đặc điểm chung của khí hậu miền Bắc nước ta nhiệt đới gió mùa nóng ẩm mưa nhiều và một số đặc điểm riêng của một tỉnh vùng núi ven biển. Đặc điểm chung của khí hậu tỉnh Quảng Ninh:

- Nhiệt độ không khí:

+ Nhiệt độ trung bình năm: 22,2<sup>0</sup>C

+ Nhiệt độ cao nhất trung bình 32,0<sup>0</sup>C

+ Nhiệt độ cao nhất mùa hè: 39,0<sup>0</sup>C

+ Nhiệt độ thấp nhất mùa đông: 3<sup>0</sup>C

- Độ ẩm không khí trung bình: 83% thường thay đổi theo mùa và các tháng trong năm, tháng 3, tháng 4 và tháng 8 là những tháng có độ ẩm không khí

cao nhất tới 87%, những tháng có độ ẩm thấp là tháng 2, tháng 11 và tháng 12 chỉ đạt từ 74-77%;

- Lượng mưa trung bình hàng năm ở mức 144mm, phân bố đều trong năm chia thành hai mùa: Mùa mưa nhiều (từ tháng 4 đến tháng 9) chiếm từ 75-80% lượng mưa cả năm, lượng mưa cao nhất là tháng 7 đạt 294mm; Mùa ít mưa (từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau) chỉ chiếm 20-25% tổng lượng mưa cả năm;

- Hướng gió chủ đạo là hướng Đông nam và Đông Bắc; Gió Đông nam xuất hiện vào mùa mưa, thổi từ biển vào mang theo hơi nước và gây ra mưa lớn. Hàng năm thường chịu ảnh hưởng trực tiếp của 3-5 cơn bão, sức gió từ cấp 8 đến cấp 10, giật trên cấp 10; Gió mùa Đông Bắc xuất hiện vào mùa khô, từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau, tốc độ gió từ 3-4m/s đặc biệt gió mùa Đông Bắc tràn về thường lạnh và giá rét;

*Địa hình:* Khu đất xây dựng công trình hiện là khu đất lấn biển. Vì vậy, khi xây dựng phải san lấp mặt bằng với khối lượng tương đối lớn.

#### 1.3.1.2 Điều kiện kinh tế - xã hội

Với dân số 236.972 người, mật độ dân số trung bình 871 người/km<sup>2</sup> (năm 2014). Thành phố Hạ Long là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa xã hội, giáo dục và đào tạo của tỉnh Quảng Ninh; kinh tế thành phố phát triển ổn định và tăng trưởng ở mức độ cao (trong 5 năm gần đây bình quân 19,4%). Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỉ trọng dịch vụ từ 44,2% năm 2010 lên 55,9% năm 2015. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt trên 50.000 tỉ đồng. Tổng thu ngân sách trên địa bàn luôn chiếm tỉ trọng lớn trên 60% trong tổng thu ngân sách của toàn tỉnh. Công tác đảm bảo an sinh xã hội được quan tâm; các lĩnh vực văn hóa – xã hội thể dục thể thao, giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân được cải thiện rõ nét;

Kết cấu hạ tầng được tập trung đầu tư, nhất là hạ tầng giao thông, du lịch và hạ tầng đô thị, với việc đầu tư xây dựng các công trình tập trung, trọng tâm trọng điểm góp phần tạo ra bộ mặt đô thị thành phố Hạ Long văn minh, hiện đại như: Quốc lộ 18A đoạn Hạ Long- Uông Bí; Tuyến đường tránh TP Hạ Long từ



Cái Mắm - Cầu Bang - Quang Hanh; nâng cấp các tuyến quốc lộ 279, tỉnh lộ 336, 337; tuyến đường bao biển các khu đô thị từ Cầu Bang đến Cột 8; cải tạo nâng cấp tuyến đường sắt Hà Nội - Hạ Long; đường cao tốc Hạ Long- Hải Phòng...; các công trình, dự án quy mô lớn trong lĩnh vực dịch vụ, thương mại, du lịch với hạ tầng kỹ thuật được đầu tư đồng bộ như: công viên Đại Dương Hạ Long; Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Hạ Long; Tổ hợp Trung tâm thương mại Vincom Hạ Long, Cảng Du thuyền Nhân tạo Tuần Châu – Vịnh Hạ Long, Cung quy hoạch và hội chợ triển lãm tỉnh Quảng Ninh...; ngoài ra hạ tầng nhiều khu đô thị mới được triển khai thi công xây dựng và đưa vào sử dụng đáp ứng được nhu cầu về chỗ ở cho nhân dân thành phố Hạ Long ( Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh, khu đô thị lấn biển Cọc 3, Cọc 5, Cọc 8, khu đô thị Hùng Thắng thành phố Hạ Long...);

### 1.3.2. Dự án Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè

#### 1.3.2.1. Vị trí địa lý

Địa điểm xây dựng: Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè được xây dựng tại Phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh(theo Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 24/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; được điều chỉnh tại Quyết định 1102/QĐ-UBND ngày 22/4/2015);

Phía Đông giáp đường quy hoạch, mương nước và mặt nước khu vực hòn Một; Phía Tây giáp mặt nước chân Hòn Hai Cô Tiên; Phía Nam giáp tuyến đường bao biển Lán Bè- Cột 8 và khu quy hoạch các công trình văn hóa, thể thao; Phía Bắc giáp tuyến đường giáp Trường THPT Chuyên Hạ Long, Khu thể thao đa năng và Khu dân cư, tái định cư phường Hồng Hải;

Kết cấu địa chất công trình (nguồn Công ty cổ phần xây dựng Bình Dương thực hiện) bao gồm các lớp sau (05m/lớp):

Lớp 1: Đất lấp; Sét pha lẫn vật liệu xây dựng, thành phần trạng thái không đồng nhất;

Lớp 2: Cát hạt trung, hạt thô ít sạn sỏi, kết cấu kém chặt.

Lớp 3: Sét pha màu xám đen, xám xanh, lẫn vỏ sò, vỏ hến, trạng thái chảy dẻo;

Lớp 4a: Sét pha màu nâu đỏ, xám vàng, trạng thái dẻo mềm;

Lớp 4b: Sét pha màu nâu đỏ, xám vàng, trạng thái dẻo cứng;

Lớp 5: Sét pha màu xám vàng, trạng thái dẻo cứng;

Lớp 6: Đá vôi màu trắng, xám xanh, đôi chỗ xuyên cắt các mạch thạch anh, phong hóa vừa nhẹ đến, thuận lợi cho việc xây dựng các công trình;

#### 1.3.2.2. Quy mô dự án

Công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè- thành phố Hạ Long (gồm các hạng mục: San nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước, cấp nước, cấp điện) thuộc dự án Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè được phê duyệt tại Quyết định số 10/2015/QĐ-HĐTV ngày 07/8/2015 của Công ty TNHH Phát triển đô thị Quảng Ninh;

Quy mô dự án: Dự án được phê duyệt với tổng mức đầu tư 3.899 tỉ đồng, được xây dựng trên diện tích 178.900m<sup>2</sup>; bao gồm Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các công trình gồm có 24 căn biệt thự đơn lập 3 tầng, 32 căn biệt thự song lập 3 tầng, 311 nhà liền kề 4-5 tầng, 77 căn nhà phố thương mại 5 tầng, 1 tòa nhà hỗn hợp dịch vụ và chung cư 35 tầng;

Công trình được triển khai thi công xây dựng xong sẽ hình thành khu dân cư đô thị mới, văn minh, hiện đại với đầy đủ chức năng, đồng bộ cả về hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc, môi trường và hạ tầng xã hội trên cơ sở cụ thể hóa quy hoạch chi tiết xây dựng Khu văn hóa thể thao và khu đô thị mới tại phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long;

Thời gian thực hiện dự án: từ năm 2015 đến hết năm 2017;

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Phát triển đô thị Quảng Ninh;

Nguồn vốn: Vốn tự có của Chủ đầu tư và vốn huy động hợp pháp khác;

Tư vấn lập quy hoạch xây dựng: Công ty Kiến trúc Surbana (Singapore);

Tư vấn khảo sát công trình & lập dự án: Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng Bình Dương;

Tư vấn lập hồ sơ thiết kế cơ sở Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn Xây dựng công nghiệp và Đô thị Việt Nam;

Tư vấn giám sát thi công: Ban QLDA công trình thành phố Hạ Long;

Khái quát các hạng mục Công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè- thành phố Hạ Long:

- Hạng mục San nền (đã thi công 95% khối lượng): Cao độ san nền trung bình 3.50m (thấp nhất là 3.25m, cao nhất 3.75m), độ dốc  $i=0.0004$ ; hướng thoát nước từ các trong các lô về phía các trục đường, thu nước mưa vào hệ thống thoát nước đặt dọc theo đường từ đó dẫn vào hệ thống thoát nước chung;

- Hạng mục đường giao thông (đã thi công xong phần cấp phối đá dăm):

+ Đường cho phố nội bộ trong khu đô thị với bề rộng mặt đường 7.5m; bề rộng hè 5.0m (kết cấu áo đường gồm: Bê tông nhựa hạt mịn dày 4cm; Tưới nhựa dính bám  $1\text{kg}/\text{m}^2$ ; Bê tông nhựa hạt trung dày 6 cm; Tưới nhựa dính bám  $1\text{kg}/\text{m}^2$ ; Cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm; Cấp phối đá dăm loại 1 dày 25cm; Lớp đất đồi đầm chặt  $K=0.98$  dày 50cm; Lớp đất nền đầm chặt  $K= 0.95$ );

Đường dạo phố với bề rộng mặt đường 7.5m; bề rộng hè 3.0m (Kết cấu áo đường gồm: Đá Granit dày 3cm; Vữa lót M100 dày 1cm; Móng cấp BTXM M250 dày 18cm; Lót cát vàng đầm chặt dày 5cm; Lớp đất nền đầm chặt  $K= 0.95$ );

- Kết cấu vỉa hè (chưa thi công): Vỉa hè lát gạch Block tự chèn dày 6cm; đệm cát vàng san phẳng dày 10cm; Nền đất đầm chặt  $K= 0.95$ ; Bó vỉa đổ bê tông tại chỗ BTXM mác 250#

- Hệ thống thoát nước mưa (đang triển khai thi công đạt 95% khối lượng): Hướng nước chảy chính của khu vực chảy từ Bắc xuống Nam, hướng đổ ra vịnh Hạ Long gồm 2 mương hở lớn B11000 dẫn nước cho các khu vực phía chân đồi xuống khu đất dự án, Công hộp thoát nước  $B \times H=2 \times 2\text{m}$  chạy dọc tuyến đường trung tâm dự án và thoát ra biển bằng công hộp qua đường  $B \times H= 5 \times 2.5\text{m}$ ; Các ống thoát nước mưa dọc các tuyến đường trong dự án dung công tròn BTCT có đường kính từ D400- D1000mm (TCXDVN 327:2006); Cửa xả cầu tạo bằng

TBCT M200# kết hợp kè đá học xây vữa M100#, cửa xả có phai chắn để ngăn nước chảy ngược lại cống khi có thủy triều dâng cao;

- Hệ thống cấp nước (chưa thi công): Ống cấp nước cho toàn bộ công trình là HDPE- D160 dùng cho mạng lưới vòng chính, D110 dùng cho hợp vòng cấp nhỏ; ống được đặt bên dưới vỉa hè, độ sâu trung bình đặt ống 1.2m (tính từ đỉnh ống); Độ dốc đường ống cấp nước chính  $i=0.0005$  dốc về hố van xả cạn;

- Hệ thống thoát nước thải (đang triển khai thi công đạt 90% khối lượng): Hệ thống thoát nước thải được đi trên vỉa hè, đường kính D300mm, hố ga nước thải xây gạch nắp đậy bằng composite; dọc theo ống có các hố ga đặt ống chờ sẵn D110, cốt đáy ống H500mm và bịt đầu ống chờ sẵn; Tuyến đường ống chính thoát nước có D300, ống bê tông cốt thép đặt ly tâm đúc tại mặt bằng công trường;

- Hệ thống điện chiếu sáng (chưa thi công): Công trình được bố trí 07 vị trí trạm biến áp 22/0,4KV có công suất 300KVA đến 2000KVA, Hệ thống điện trung thế được sử dụng cáp ngầm có đai thép bảo vệ 24kV-Cu/XLPE/DSTA/PVC; Hệ thống điện hạ áp 0.4KV tới các tủ phân phối tổng và công tơ sử dụng cáp ngầm có đai thép bảo vệ 0.6/1kv-Cu/XLPE/DSTA/PVC chôn ngầm trực tiếp dưới đất; Hệ thống điện chiếu sáng đường sử dụng cột thép đúc bát giác liền cần cao 8m, cần đèn vươn 1.5m, nghiêng  $15^{\circ}$ , bóng đèn cao áp sodium 150w lắp trên cột;



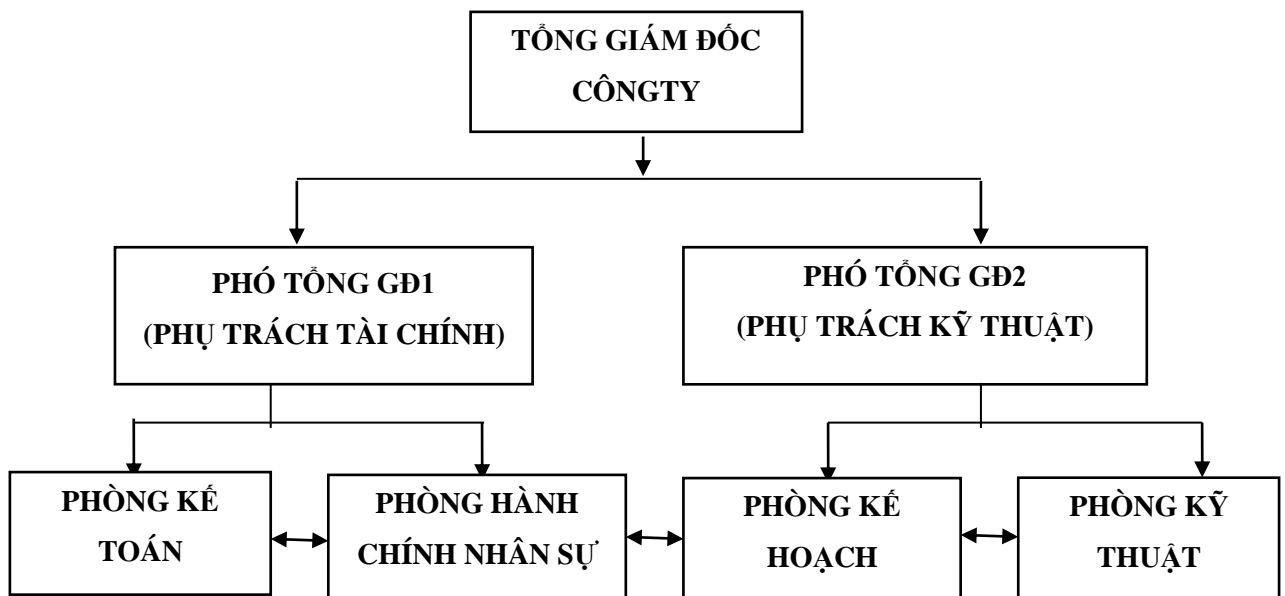


1.3.3 Mô hình và giải pháp quản lý dự án tại công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè- thành phố Hạ Long

1.3.3.1 Sơ đồ, cơ cấu tổ chức của Chủ đầu tư

Công ty TNHH Phát triển đô thị Quảng Ninh (CĐT) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình đường sắt, đường bộ công trình dân dụng công nghiệp, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình...;

Bộ máy Công ty có 29 cán bộ công nhân viên, gồm có Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty, 02 Phó giám đốc, các phòng: Kế toán (04 cử nhân), Kế hoạch (06 kỹ sư chuyên ngành), Kỹ thuật (10 kỹ sư chuyên ngành), hành chính nhân sự (05 cử nhân và 01 lái xe);



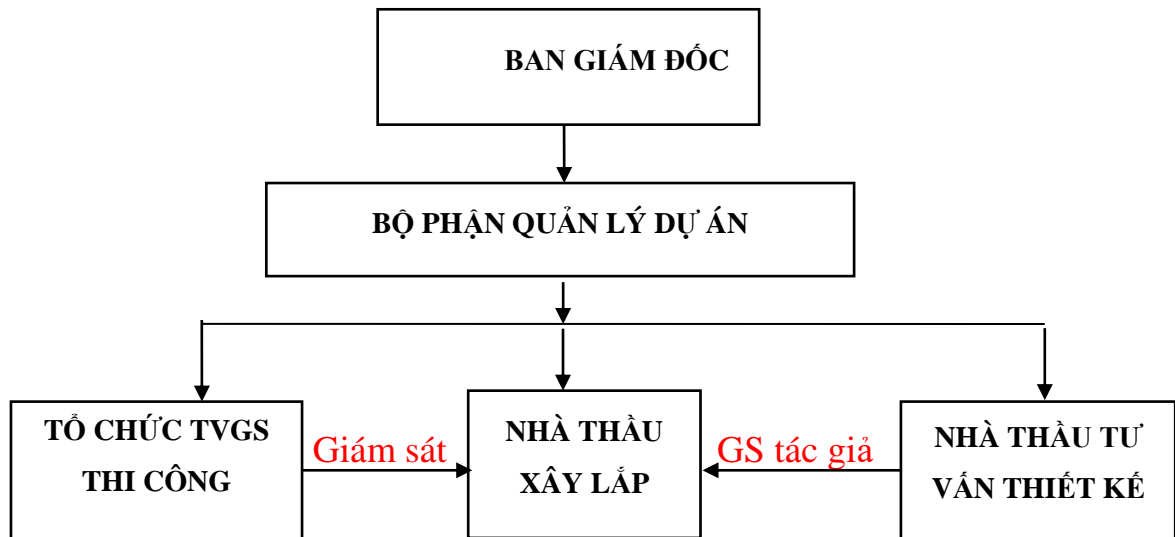
Hình 1.2: Sơ đồ, cơ cấu tổ chức, bộ máy của Chủ đầu tư

Các phòng, ban chuyên môn được Chủ đầu tư giao thực hiện công tác QLDA, có nhiệm vụ trình hoặc thực hiện công việc do Chủ đầu tư giao, chịu

trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật theo nhiệm vụ được giao gồm về phạm vi, kế hoạch công việc; giám sát đơn vị tư vấn giám sát thi công quản lý khối khối lượng công việc; chất lượng xây dựng; tiến độ thực hiện; chi phí đầu tư xây dựng; an toàn trong thi công xây dựng; bảo vệ môi trường trong xây dựng; lập hồ sơ mời thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu xây lắp, hợp đồng xây dựng; nghiệm thu, thanh toán, quyết toán theo hợp đồng đã ký;

### 1.3.3.2. Mô hình quản lý dự án

- Mô hình QLDA: Chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn của mình để thực hiện công tác QLDA và tổ chức lựa chọn TVGS, nhà thầu thi công xây dựng công trình (hình 1.2).



Hình 1.3: Sơ đồ, cơ cấu Quản lý dự án

### 1.3.3.3. Giải pháp quản lý dự án của Chủ đầu tư:

- Cử người có kinh nghiệm và năng lực, chuyên môn phù hợp với loại công trình thực hiện chức năng QLDA của CĐT trong quá trình đầu tư xây dựng công trình và đảm bảo trang thiết bị, cơ sở vật chất để thực hiện công tác QLDA;

- Lựa chọn giải pháp tốt nhất trong các giai đoạn đầu tư; đối với các nhà thầu khảo sát, thiết kế, thi công, tư vấn giám sát đảm bảo điều kiện năng lực về chuyên môn, thiết bị và kinh nghiệm theo quy định về đầu tư xây dựng;



- Lập trình thẩm định hồ sơ thiết kế dự toán công trình, phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công theo quy định; tính toán quản lý chi phí dự án hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả;

- Phối hợp với chủ các công trình liên kế kiểm tra, xác nhận hiện trạng công trình liên kế, xem xét các biểu hiện bất thường khác của công trình liên kế. Dự kiến các công trình lân cận có khả năng bị ảnh hưởng để thực hiện việc kiểm tra, xác nhận hiện trạng;

- Lựa chọn phương án quản lý tiến độ công trình phù hợp, giám sát các đơn vị tư vấn thực hiện đúng hợp đồng cam kết, đảm bảo chất lượng công trình;

- Chấp hành và thực hiện đúng các yêu cầu của cơ quan quản lý về xây dựng trên địa bàn trong việc sự tuân thủ các quy định về đầu tư xây dựng;

- Công tác quản lý thực hiện biện pháp và quy trình kỹ thuật thi công: Trong thời gian qua kỹ thuật thi công ngày càng phát triển, khoa học đã từng bước thay thế con người để tăng năng suất lao động tạo hiệu quả kinh tế. Kỹ thuật thi công bao gồm nhiều công tác, nhưng quan trọng nhất là kỹ thuật thi công công tác đất và kỹ thuật thi công công tác bê tông.

Đối với công tác đào, đắp đất: Các đơn vị thi công đã đầu tư máy móc hiện đại năng suất cao (máy xúc cần dài, máy xúc gàu khối lượng lớn...) để dần thay thế các tổ hợp máy cũ có năng suất thấp làm giảm thời gian thi công công trình, giảm giá thành công trình mà chất lượng công trình vẫn đảm bảo;

Đối với công tác bê tông: Công nghệ thi công ngày càng hiện đại với nhiều loại bê tông mới, việc áp dụng các loại bê tông vào từng công trình thích hợp đã tạo ra nhiều công trình kỹ thuật, giảm thời gian thi công công trình so với thi công bê tông bằng phương pháp truyền thống và chất lượng cao.

Bên cạnh những công trình đạt kỹ thuật tạo cảnh quan, môi trường cho từng khu vực cần phải kiểm tra giám sát quy trình kỹ thuật tránh hiện tượng các nhà thầu làm nhanh, làm tắt dẫn đến công trình bị sụt lún không đều; công tác quản lý kỹ thuật đổ bê tông vẫn chưa khắt khe, một số công việc vẫn chưa tuân thủ tiêu chuẩn thi công, thiết bị thi công không đạt yêu cầu nên tạo ra hiện

tượng bê tông bị rỗ, nứt chân chim, trảng mặt bê tông... ảnh hưởng đến chất lượng công trình;

- Công tác quản lý chất lượng vật liệu đầu vào: Vật liệu xây dựng là yếu tố chính tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất, cấu thành sản phẩm nó chiếm phần lớn tổng chi phí công trình do đó công tác quản lý chất lượng đặc biệt quan trọng. Vật liệu hiện nay rất phong phú và đa dạng về chất lượng cũng như chủng loại đã được đưa vào công trình thi công mang lại hiệu quả cao trong đầu tư xây dựng; bên cạnh đó còn tồn tại tình trạng nguyên vật liệu không đạt yêu cầu, hàng giả, hàng nhái kém chất lượng, khi sử dụng loại vật liệu này sẽ gây ảnh hưởng xấu tới chất lượng công trình xây dựng, do đó cần phát hiện kịp thời đối với những đơn vị thi công vì mục đích trực lợi sẽ đưa vào trong quá trình thi công; ngoài ra công tác bảo quản nguyên vật liệu trong công trường cũng cần được coi trọng, cần trang bị đầy đủ các điều kiện cần thiết theo yêu cầu của nhà sản xuất, không làm giảm chất lượng vật liệu khi đã được nghiệm thu đưa vào công trình;

- Quản lý thiết bị thi công và công nghệ: Máy móc, thiết bị và công nghệ thi công hiện đại sẽ giúp đẩy nhanh tiến độ thi công, giảm chi phí nhân công mà công trình vẫn đảm bảo chất lượng theo yêu cầu thiết kế, tiêu chuẩn quy định; do đó khi lựa chọn nhà thầu thi công cần ưu tiên lựa chọn đơn vị có năng lực máy móc, thiết bị công nghệ hiện đại đáp ứng yêu cầu công việc đề ra;

- Quản lý công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động trên công trường: Công tác an toàn vệ sinh lao động đang là mối quan tâm của toàn xã hội nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người lao động, do đó công tác này phải được giám sát thường xuyên và thực hiện đầy đủ các nội quy, biện pháp an toàn vệ sinh môi trường cho người lao động trong quá trình thi công tránh các trường hợp đáng tiếc xảy ra do không tuân thủ các yêu cầu quy định về an toàn lao động; đối với các yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động cần phải phải được kiểm tra chặt chẽ từ khâu thiết kế cho đến chứng chỉ hành nghề an toàn vệ sinh lao động và phải được huấn luyện bổ sung, kịp thời trong trường hợp có sự thay đổi về điều kiện thi công mà chưa có kiến thức an toàn;

- Quản lý công tác thực hiện các quy định về nghiệm thu và hoàn công: Hệ thống các tiêu chuẩn pháp lý cũng như các tiêu chuẩn về nghiệm thu và hoàn công ngày càng chi tiết, sát với thực tế cộng với trình độ của cán bộ kỹ thuật của các đơn vị thi công và trình độ quản lý của CĐT, tư vấn giám sát ngày càng phải nâng cao bắt kịp xu hướng thời đại do đó việc thực hiện các quy định về thi công và nghiệm thu của đơn vị thi công phải đúng và đủ, công tác quản lý của CĐT phải nghiêm túc thực hiện đầy đủ nội dung nghiệm thu bao gồm kiểm tra hiện trạng công trình bằng trực quan, đo đạc các bộ phận công trình so với bản vẽ thiết kế thi công đã được duyệt, các kết quả thí nghiệm của các đơn vị tư vấn phải đủ độ tin cậy về chất lượng làm căn cứ để nghiệm thu và hoàn công; cần có biện pháp khắc phục các nguyên nhân, tồn tại như áp lực về tiến độ, năng lực cán bộ giám sát hạn chế, công tác chỉ đạo chưa sâu sát để thực hiện công tác nghiệm thu và hoàn công được đầy đủ, đúng quy định.

#### 1.3.4. Hoạt động quản lý chất lượng thi công công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè- thành phố Hạ Long

QLCL thi công xây dựng bao gồm các hoạt động QLCL của nhà thầu thi công xây dựng; giám sát thi công xây dựng công trình và nghiệm thu công trình xây dựng của chủ đầu tư; TCGS; giám sát tác giả của nhà thầu thiết kế. Để đảm bảo CLCT xây dựng, các tổ chức, cá nhân trong hoạt động xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với từng gói thầu hoặc loại công việc cụ thể.

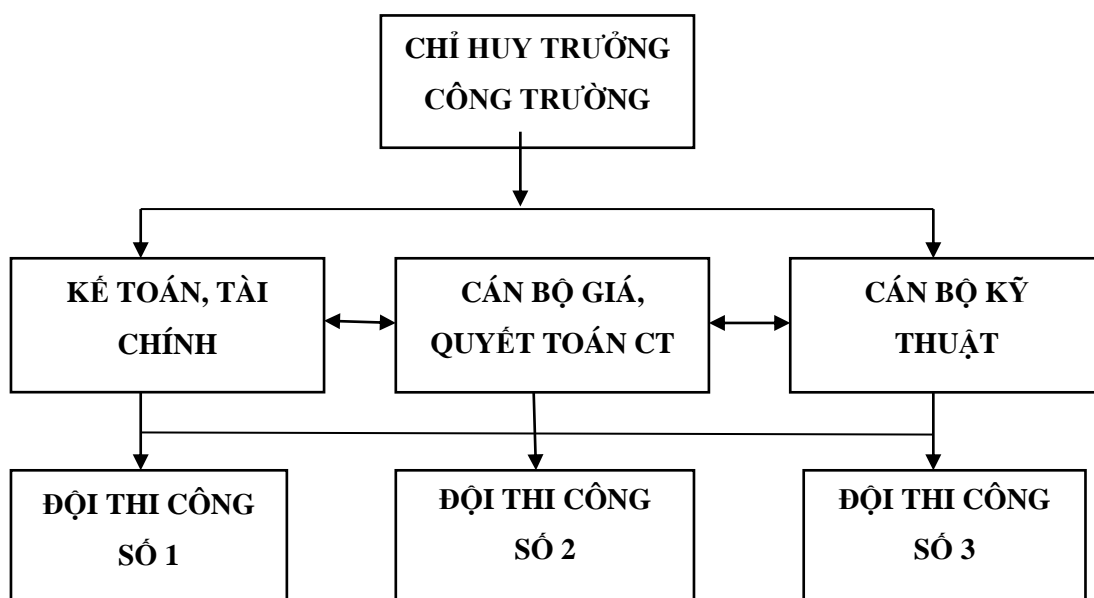
##### 1.3.4.1 Quản lý chất lượng của chủ đầu tư

Trách nhiệm của Chủ đầu tư về quản lý CLCT xây dựng [1]

- Lựa chọn nhà thầu có đủ điều kiện năng lực hoạt động thi công xây dựng phù hợp với loại, cấp công trình và công việc thi công xây dựng;
- Đàm phán, ký kết hợp đồng thi công xây dựng; giám sát và yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết;
- Đình chỉ thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng với nhà thầu thi công xây dựng theo quy định của pháp luật và của hợp đồng xây dựng;

- Dừng thi công xây dựng công trình, yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng khắc phục hậu quả khi vi phạm các quy định về chất lượng công trình, an toàn và bảo vệ môi trường;
- Phối hợp, tham gia với UBND các cấp thực hiện việc bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng xây dựng để bàn giao cho nhà thầu thi công xây dựng;
- Tổ chức giám sát và quản lý chất lượng trong thi công xây dựng phù hợp với hình thức quản lý dự án, hợp đồng xây dựng;
- Kiểm tra biện pháp thi công, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường;
- Tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình;
- Thuê tổ chức tư vấn có đủ năng lực hoạt động xây dựng để kiểm định chất lượng công trình khi cần thiết;
- Xem xét, quyết định các đề xuất liên quan đến thiết kế của nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng;
- Lưu trữ hồ sơ xây dựng công trình;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng, nguồn gốc của vật tư, nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, sản phẩm xây dựng do mình cung cấp sử dụng vào công trình;
- Bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng và hành vi vi phạm khác do mình gây ra;

#### 1.3.4.2. Quản lý chất lượng của nhà thầu thi công



#### Hình 1.4: Sơ đồ, cơ cấu tổ chức nhà thầu thi công

\* Trách nhiệm nhà thầu thi công xây dựng công trình [4]:

- Nhà thầu thi công công trình xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình;

- Lập và thông báo cho chủ đầu tư và các chủ thể có liên quan hệ thống quản lý chất lượng, mục tiêu và chính sách đảm bảo chất lượng công trình của nhà thầu. Hệ thống QLCL công trình của nhà thầu phải phù hợp với quy mô công trình, trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đối với công tác quản lý chất lượng công trình của nhà thầu;

- Trình chủ đầu tư chấp thuận các nội dung theo hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng đã ký (kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc, kiểm soát chất lượng vật liệu, sản phẩm, bố trí nhân lực, thiết bị thi công, xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng);

- Thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế. Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra chạy thử đơn động và chạy thử liên động theo kế hoạch trước khi đề nghị nghiệm thu;

- Lập nhật ký thi công xây dựng công trình theo quy định; Lập bản vẽ hoàn công theo quy định;

- Yêu cầu chủ đầu tư thực hiện nghiệm thu công việc chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

- Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng và yêu cầu đột xuất của chủ đầu tư.

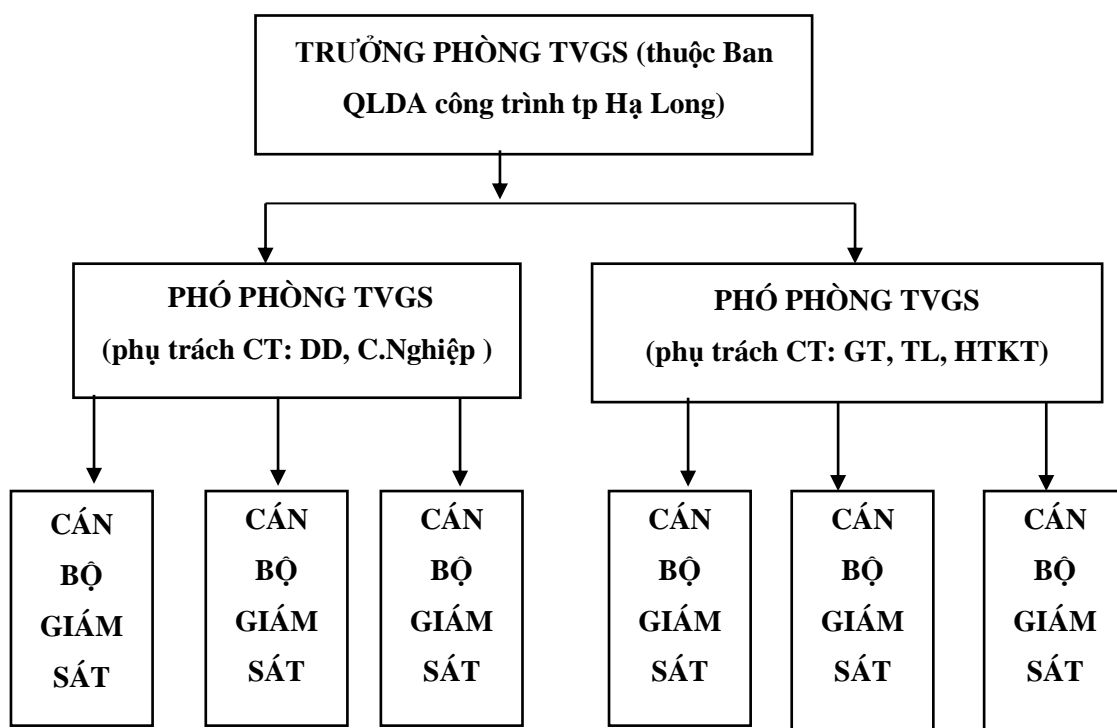
- Hoàn trả mặt bằng, di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao, trừ trường hợp trong hợp đồng xây dựng có thỏa thuận khác.

\* Trách nhiệm của nhà thầu cung ứng sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng đã là hàng hóa trên thị trường [4]:

- Tổ chức thực hiện thí nghiệm kiểm tra chất lượng và cung cấp cho bên giao thầu (bên mua sản phẩm xây dựng) các chứng chỉ, chứng nhận, các thông tin, tài liệu có liên quan tới sản phẩm xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng, quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quy định của pháp luật khác có liên quan;

- Kiểm tra chất lượng, số lượng, chủng loại của sản phẩm phù hợp với yêu cầu của hợp đồng xây dựng trước khi bàn giao cho bên giao thầu; Thông báo cho bên giao thầu các yêu cầu về vận chuyển, lưu giữ, bảo quản sản phẩm xây dựng; Thực hiện sửa chữa, đổi sản phẩm không đạt yêu cầu về chất lượng theo cam kết bảo hành sản phẩm xây dựng và quy định của hợp đồng xây dựng.

#### 1.3.4.3. Quản lý chất lượng của tư vấn giám sát thi công



Hình 1.5: Sơ đồ, cơ cấu tổ chức tư vấn giám sát thi công

Trách nhiệm của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình [4]:

- Thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống QLCL của chủ đầu tư, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình, cho các

nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện; Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định;

- Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: Nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

- Kiểm tra biện pháp thi công xây dựng của nhà thầu so với thiết kế biện pháp thi công đã được phê duyệt; Kiểm tra và chấp thuận vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình;

- Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng công trình và các nhà thầu khác triển khai công việc tại hiện trường theo yêu cầu về tiến độ thi công của công trình;

- Giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các CTXD theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; giám sát các biện pháp đảm bảo an toàn đối với công trình lân cận, công tác quan trắc công trình;

- Giám sát việc đảm bảo an toàn lao động theo quy định của quy chuẩn, quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật về an toàn lao động; Đề nghị CĐT tổ chức điều chỉnh thiết kế khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế;

- Tạm dừng thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn; chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình và phối hợp xử lý, khắc phục sự cố theo quy định;

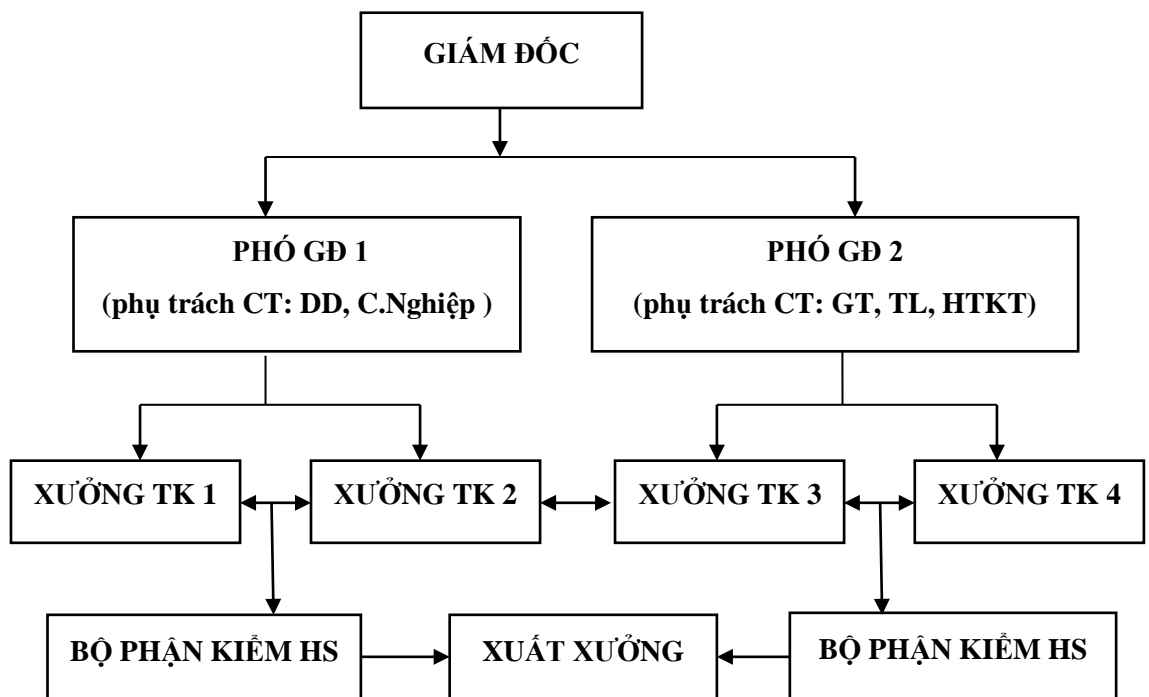
- Kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu; kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công; Tổ chức thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định;

- Thực hiện nghiệm thu công việc xây dựng để chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng,

nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, CTXD theo quy định; kiểm tra và xác nhận khối lượng thi công xây dựng hoàn thành;

- Tổ chức lập hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng; Thực hiện các nội dung khác theo quy định của hợp đồng xây dựng.

#### 1.3.4.4. Quản lý chất lượng của nhà thầu thiết kế:



Hình 1.6: Sơ đồ, cơ cấu tổ chức tư vấn thiết kế

Trách nhiệm giám sát tác giả của nhà thầu thiết kế xây dựng [4]:

- Giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế công trình khi có yêu cầu của CĐT, nhà thầu thi công xây dựng và TVGS thi công xây dựng công trình;

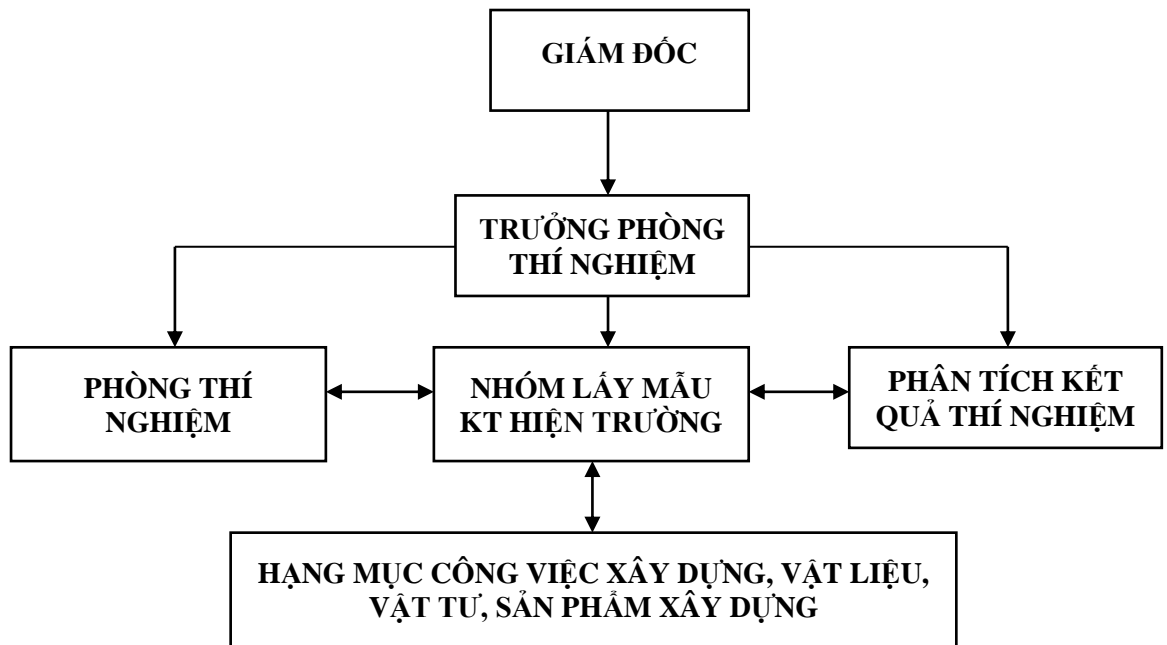
- Phối hợp với CĐT khi được yêu cầu để giải quyết các vướng mắc, phát sinh về thiết kế trong quá trình thi công xây dựng, điều chỉnh thiết kế phù hợp với thực tế thi công xây dựng công trình, xử lý những bất hợp lý trong thiết kế theo yêu cầu của CĐT;



- Thông báo kịp thời cho CĐT và kiến nghị biện pháp xử lý khi phát hiện việc thi công sai với thiết kế được duyệt của nhà thầu thi công xây dựng;

- Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng khi có yêu cầu của CĐT. Trường hợp phát hiện hạng mục công trình, công trình xây dựng không đủ điều kiện nghiệm thu phải có ý kiến kịp thời bằng văn bản gửi CĐT.

#### 1.3.4.5. Quản lý chất lượng của tư vấn kiểm định chất lượng công trình



Hình 1.7: Sơ đồ, cơ cấu tổ chức tư vấn kiểm định CLCT

Trách nhiệm của tư vấn kiểm định trong quá trình thi công công trình [4]:

- Thực hiện kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và toàn bộ công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng theo yêu cầu của CĐT trên cơ sở hợp đồng kiểm định hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng;

- Lập đề cương kiểm định trình tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định xem xét chấp thuận và tổ chức thực hiện kiểm định theo đúng đề cương đã được chấp thuận; Lập báo cáo đánh giá, kết luận nội dung yêu cầu kiểm định gửi cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định;

1.3.4.6. Quản lý công tác nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng

### *a. Tổ chức nghiệm thu*

- Nhà thầu thi công xây dựng phải tự tổ chức nghiệm thu các công việc xây

dựng, đặc biệt các công việc, bộ phận bị che khuất; bộ phận công trình; các hạng mục công trình và công trình, trước khi yêu cầu chủ đầu tư nghiệm thu. Đối với những công việc xây dựng đã được nghiệm thu nhưng chưa thi công ngay thì trước khi thi công xây dựng phải nghiệm thu lại. Đối với công việc, giai đoạn thi công xây dựng sau khi nghiệm thu được chuyển nhà thầu khác thực hiện tiếp thì phải được nhà thầu đó xác nhận, nghiệm thu;

- Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng kịp thời sau khi có phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng.

### *b. Nghiệm thu công việc xây dựng*

Căn cứ nghiệm thu công việc xây dựng:

- + Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng;
- + Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận;
- + Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng;
- + Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng;
- + Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng;
- + Nhật ký thi công công trình và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;
- + Biên bản nghiệm thu nội bộ công việc xây dựng của nhà thầu thi công xây dựng.

Nội dung và trình tự nghiệm thu:

+ Kiểm tra đối tượng nghiệm thu tại hiện trường: công việc xây dựng, thiết bị lắp đặt tĩnh tại hiện trường;

+ Kiểm tra các kết quả thử nghiệm, đo lường mà nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện để xác định chất lượng và khối lượng của vật liệu, cấu kiện xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình;

+ Đánh giá sự phù hợp của công việc xây dựng và việc lắp đặt thiết bị so với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng và tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật;

+ Nghiệm thu cho phép thực hiện công việc tiếp theo. Những người trực tiếp nghiệm thu phải ký tên và ghi rõ họ tên trong biên bản nghiệm thu.

Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

+ Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư;

+ Người phụ trách kỹ thuật thi công trực tiếp của nhà thầu thi công xây dựng công trình.

Trường hợp công việc không được nghiệm thu: do lỗi của nhà thầu thi công xây dựng thì nhà thầu phải khắc phục hậu quả và chịu mọi chi phí kể cả chi phí kiểm định phúc tra.

Trường hợp công việc không được nghiệm thu do lỗi của chủ đầu tư thì chủ đầu tư phải có trách nhiệm khắc phục hậu quả và đền bù phí tổn cho nhà thầu thi công xây dựng công trình.

*c. Nghiệm thu bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng*

Căn cứ nghiệm thu bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng:

+ Các biên bản nghiệm thu công việc thuộc bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng được nghiệm thu và các kết quả thí nghiệm khác;

- + Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình xây dựng;
- + Biên bản nghiệm thu bộ phận công trình xây dựng và giai đoạn thi công xây dựng hoàn thành của nội bộ nhà thầu thi công xây dựng;
- + Công tác chuẩn bị các công việc để triển khai giai đoạn thi công xây dựng tiếp theo.

Nội dung và trình tự nghiệm thu:

- + Kiểm tra đối tượng nghiệm thu tại hiện trường: bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng;
- + Kiểm tra bản vẽ hoàn công bộ phận công trình xây dựng;
- + Kết luận về sự phù hợp với tiêu chuẩn và thiết kế xây dựng công trình được phê duyệt; cho phép chuyển giai đoạn thi công xây dựng.

Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

- + Cán bộ giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư;
- + Người phụ trách thi công trực tiếp của nhà thầu thi công xây dựng;

*d. Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng đưa vào sử dụng [4]*

- Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;

- Điều kiện để nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng:

+ Các công việc xây dựng đã thực hiện được nghiệm. Kết quả thí nghiệm, kiểm tra, chạy thử đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của thiết kế xây dựng;

+ Không còn tồn tại lớn về chất lượng thi công xây dựng làm ảnh hưởng đến an toàn khai thác, sử dụng công trình;

+ Được cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án theo quy định của

pháp luật về bảo vệ môi trường và văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan;

+ Chủ đầu tư được quyết định tổ chức nghiệm thu từng phần công trình hoặc nghiệm thu có điều kiện để đưa công trình vào sử dụng trong trường hợp còn một số tồn tại về chất lượng nhưng không làm ảnh hưởng đến khả năng chịu lực, tuổi thọ, công năng của công trình và bảo đảm công trình, đủ điều kiện khai thác an toàn. Biên bản nghiệm thu phải nêu rõ các tồn tại về chất lượng cần khắc phục hoặc các công việc xây dựng cần được tiếp tục thực hiện và thời gian hoàn thành các công việc này. Chủ đầu tư phải tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình sau khi các tồn tại về chất lượng đã được khắc phục hoặc các công việc xây dựng còn lại đã được hoàn thành;

+ Được cơ quan có thẩm quyền về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư;

+ Chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan thỏa thuận về thời điểm nghiệm thu, trình tự và nội dung nghiệm thu; kết quả nghiệm thu được lập thành biên bản;

*e. Bàn giao công trình xây dựng công trình [1]*

- Việc bàn giao công trình xây dựng phải tuân thủ các quy định sau:

+ Đã thực hiện nghiệm thu CTXD theo quy định của pháp luật về xây dựng;

+ Bảo đảm an toàn trong vận hành, khai thác khi đưa công trình vào sử dụng;

- CĐT có trách nhiệm tiếp nhận công trình theo đúng hợp đồng đã ký kết với nhà thầu. Người tham gia bàn giao công trình phải chịu trách nhiệm về sản phẩm do mình xác nhận trong quá trình bàn giao công trình xây dựng. CĐT có trách nhiệm bàn giao công trình xây dựng cho chủ quản lý sử dụng công trình sau khi đã tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng. Việc bàn giao CTXD phải được lập thành biên bản;

- Khi bàn giao CTXD, nhà thầu thi công xây dựng phải giao cho chủ đầu tư các tài liệu gồm bản vẽ hoàn công, quy trình hướng dẫn vận hành, quy trình bảo trì công trình, danh mục các thiết bị, phụ tùng, vật tư dự trữ thay thế và các tài liệu cần thiết khác có liên quan, thực hiện công tác bảo hành công trình theo hợp đồng đã ký kết.

1.3.5. Thuận lợi và khó khăn trong quản lý chất lượng hạ tầng kỹ thuật công trình Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè- thành phố Hạ Long

- Thuận lợi:

+ Đội ngũ cán bộ của công ty có năng lực, chuyên nghiệp vụ đảm bảo thực hiện được các lĩnh vực ngành nghề theo giấy đăng ký kinh doanh;

+ Công tác thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở của cơ quan nhà nước được thực hiện đảm bảo đúng quy định, đáp ứng điều kiện cho CĐT triển khai các bước tiếp theo trong việc triển khai thi công xây dựng;

+ Địa điểm thi công nằm gần trục đường chính, giao thông thuận tiện cho trong công việc di chuyển các thiết bị, máy móc, cung ứng vật liệu, nguồn điện, nước phục vụ cho thi công đầy đủ;

+ Mặt bằng thi công tương đối rộng, bằng phẳng thuận lợi cho việc xây dựng lán trại tạm, xưởng gia công tập kết vật liệu và cơ giới hóa thi công; nguồn vật liệu phục vụ công tác thi công tương đối thuận lợi, nhất là khối lượng đất san nền;

+ Công tác bàn giao mặt bằng thi công công trình đảm bảo theo tiến độ đề ra, ngoài việc Chủ đầu tư sát sao đôn đốc, chỉ đạo còn có sự vào cuộc quyết liệt của các cơ quan, ban ngành của tỉnh trong việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Khó khăn:

+ Chủ đầu tư chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý dự án nhất là đối với công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

+ Thời tiết khắc nghiệt trong năm như mưa, bão cũng đã ảnh hưởng một phần đến chất lượng thi công công trình;

+ Các hạng mục công trình xây dựng nằm trong khuôn viên dự án, một số hạng mục công trình triển khai thi công song song, do đó trong quá trình tổ chức thi công phải có sự điều tiết nhịp nhàng khoa học về nhân lực, vật lực, máy móc thi công để đảm bảo hiệu quả cao nhất;

+ Việc Huy động nguồn vốn bổ sung cho dự án chậm (sau khi đã được cơ quan quản lý nhà nước nghiệm thu tương ứng tiến độ dự án) do thị trường bất động sản đóng băng trong thời gian dài, nhu cầu không cao trong khi nguồn cung dư thừa (hiện nhiều dự án tương tự trên địa bàn thành phố Hạ Long đang được triển khai như khu đô thị Đông Hùng Thắng, Khu đô thị Vinhomes dragon Hạ Long; Time Garden...);

1.3.6 Một số tồn tại về chất lượng thi công đường và hệ thoát nước công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè- thành phố Hạ Long

- Việc quản lý các phương tiện vận chuyển ra vào công trường chưa chặt chẽ làm ảnh hưởng đến chất lượng đoạn kè bao đã triển khai thi công thi công, một số vị trí đắp đất mang cống ngang đường có lẫn đá kích thước vượt tiêu chuẩn (Hình 1.8);



Hình 1.8: Cống hộp thoát nước mưa qua đường

Chưa thực hiện đầy đủ biện pháp thi công mương thoát nước mưa, chưa ngăn cách hố móng (đắp đê quai) với dòng chảy để tạo điều kiện cho công tác thi công ở hố móng được khô ráo (Hình 1.9);



Hình 1.9: Công tác thi công Kè thoát nước mưa

Công tác đắp đất mang cống hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải chưa đảm bảo độ chặt theo yêu cầu thiết kế (Hình 1.10 và 1.11);



Hình 1.10: Hố ga BTCT thu gom mạng lưới nước mưa





Hình 1.11: Mạng lưới hố ga BTCT thu gom nước thải

#### **1.4. Ưu điểm, hạn chế trong quản lý chất lượng thi công công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè- thành phố Hạ Long**

##### **1.4.1. Ưu điểm**

Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch xây dựng, CĐT đã khẩn trương triển khai các thủ tục cần thiết (lựa chọn đơn vị tư vấn thiết kế, nghiệm thu hồ sơ thiết kế, trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế thi công và dự toán, lựa chọn nhà thầu thi công, tư vấn giám sát..) để triển khai việc đầu tư XDCT;

Công tác lựa chọn các nhà thầu tư vấn xây dựng và nhà thầu thi công được thực hiện theo đúng các quy định về đầu tư xây dựng; các nhà thầu được lựa chọn đảm bảo đủ điều kiện, năng lực để triển khai thực hiện công việc;

Trong quá trình triển khai thi công xây dựng, CĐT và đơn vị tham gia xây dựng công trình đã cơ bản tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng; Các hạng mục công trình đang thi công cơ bản đáp ứng được

yêu cầu về tiến độ, chất lượng công trình, công tác vệ sinh môi trường được trú trọng;

#### 1.4.2. Hạn chế

CĐT chưa ban hành Quyết định thành lập Ban QLDA để thực hiện công tác QLDA đảm bảo điều kiện, năng lực theo quy định tại Nghị định 59/2015/NĐ/CP của Chính phủ về QLDA đầu tư xây dựng;

Công tác thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế của CĐT chưa đảm bảo quy định (hồ sơ thiết kế chưa có thiết kế cảnh quan hạng mục kè, cây xanh, vỉa hè; chưa thiết kế bản vẽ thi công đảm bảo cho người khuyết tật tiếp cận, sử dụng);

CĐT chưa đôn đốc nhà thầu thi công lập và phê duyệt biện pháp thi công công trình, TVGS thi công chưa thực hiện hết trách nhiệm, chưa thường xuyên có mặt tại công trường thi công;

Nhật ký thi công chưa có xác nhận của chủ đầu tư, một số biên bản nghiệm thu công việc xây dựng còn thiếu các tiêu chí đánh giá chất lượng cho từng công việc về tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu (cao độ thi công, độ dốc, thành phần hạt), biên bản nghiệm thu công việc phần khuất chưa đầy đủ (công tác thi công đất, bê tông rãnh thoát nước mưa);

Cán bộ kỹ thuật của của CĐT thiếu giám sát, đôn đốc trong quá trình quản lý thi công công trình; việc phối hợp giữa CĐT, TVGS và nhà thầu thi công trong việc xử lý các phát sinh, sai phạm kỹ thuật giữa các bên trong quá trình thi công chưa nghiêm;

Chất lượng công tác khảo sát và hồ sơ hồ sơ thiết kế chưa tốt ngay từ khâu quy hoạch xây dựng phải điều chỉnh dẫn đến các hồ sơ thiết kế công trình cũng phải điều chỉnh để phù hợp với quy hoạch xây dựng, việc điều chỉnh thiết kế không kịp thời làm ảnh hưởng đến biện pháp thi công và chất lượng một số hạng mục CTXD;

Nhiều văn bản QPPL về đầu tư xây dựng (Luật, Nghị định, thông tư) thường xuyên thay đổi, chưa hướng dẫn kịp thời và còn nhiều chồng chéo; CĐT

có lúc chưa cập nhật kịp thời các quy định mới dẫn đến sai sót trong quá trình thực hiện;

Công tác đầu nối hệ thống thoát nước thải của công trình vào hệ thống xử lý nước thải chung của thành phố còn bất cập, các trạm bơm cưỡng bức thu gom nước thải chung của thành phố công suất máy bơm nhỏ, một số trạm bơm cũ chưa được thay thế thường phải sửa chữa bảo dưỡng dẫn đến hệ thống thu gom nước về nhà máy xử lý nước thải chưa vận hành hết công suất;

#### 1.4.3. Nguyên nhân

- Công tác quản lý nhà nước:

Hệ thống văn bản pháp luật về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển và phải chịu sự điều chỉnh của nhiều loại văn bản khác nhau, nhưng không thống nhất, không được sửa đổi bổ sung kịp thời hoặc thường xuyên thay đổi trong thời gian ngắn làm ảnh hưởng tới việc ban hành các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành, địa phương; Công tác tuyên truyền pháp luật về xây dựng của các cơ quan nhà nước còn chậm;

Công tác kiểm tra, hướng dẫn của cơ quan được giao quản lý nhà nước về xây dựng (Sở Xây dựng, phòng quản lý đô thị, phòng kinh tế hạ tầng) chưa thường xuyên, kịp thời, sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong công tác quản lý xây dựng còn yếu, việc xử lý các sai phạm thiếu kiên quyết, dứt điểm, công tác hậu kiểm chưa thường xuyên;

- Đối với CĐT

Công tác chỉ đạo, điều hành và giám sát chất lượng thi công công trình chưa chặt chẽ, chưa thường xuyên. Các cán bộ được giao thực hiện công tác QLDA chưa thực hiện hết trách nhiệm, quyền hạn được giao; công tác giám sát các nhà thầu xây lắp và tư vấn giám sát vẫn coi nhẹ, chưa quan tâm đúng mức, cán bộ giám sát của chủ đầu tư không thường xuyên có mặt tại công trình mà chủ yếu giao hết trách nhiệm cho TVGS và các nhà thầu thi công thực hiện;

Công tác kiểm tra và giám sát của chất lượng vật tư, vật liệu khi đưa vào công trình so với hợp đồng và hồ sơ dự thầu chưa chặt chẽ, đầy đủ, một số vật

liệu đưa vào sử dụng cho công trình còn chưa được nghiệm thu; Công tác quản lý hồ sơ, lập hồ sơ quản lý chất lượng công trình chưa đầy đủ;

Sức ép phải khởi công công trình và đẩy nhanh tiến độ thi công công trình để đảm bảo thời gian theo dự án được duyệt; Vốn dành cho việc triển khai dự án còn hạn chế, chưa phân bổ kịp thời, thời gian thực hiện dự án kéo dài và chịu nhiều ảnh hưởng của các yếu tố khách quan;

- Đối với các nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công

Công tác giám sát tác giả của tư vấn thiết kế chưa nghiêm túc, trách nhiệm chưa cao, chưa chịu trách nhiệm đến cùng đối với sản phẩm thiết kế trong quá trình thi công xây dựng; Công tác kiểm tra, giám sát của tư vấn giám sát thi công không thường xuyên tại công trình dẫn đến chất lượng một số hạng mục không đảm bảo chất lượng theo thiết kế;

Năng lực, kinh nghiệm cũng như công tác quản lý thi công của một số nhà thầu thi công còn hạn chế, tình trạng không tuân thủ trong thi công của các nhà thầu có xảy ra; công tác tổ chức công trường, biện pháp thi công, hệ thống quản lý chất lượng nội bộ và cán bộ giám sát nội bộ của nhà thầu thi công chưa được quan tâm đúng mức, có tình trạng cố tình làm sai hồ sơ thiết kế chạy theo lợi nhuận không thực hiện các cam kết theo hồ sơ dự thầu và hợp đồng đã ký kết ảnh hưởng đến chất lượng công trình;

### **1.5. Nhận xét chương I**

Chương I tác giả nêu ra những thực trạng công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng của Việt Nam nói chung và thành phố Hạ Long nói riêng, trong đó phản ánh thực trạng công tác quản lý chất lượng hệ thống kỹ thuật dự án Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè thành phố Hạ Long (vị trí địa lý, quy mô đầu tư, tiến độ thực hiện, nhân lực, mô hình quản lý dự án, các hoạt động quản lý chất lượng thi công công trình...). Tác giả đã nêu ra một số vấn đề còn hạn chế, tồn tại trong công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng, những thuận lợi khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện làm cơ sở đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng.

## **CHƯƠNG II: CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ PHÁP LÝ VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG.**

### **2.1. Cơ sở khoa học về chất lượng công trình xây dựng**

#### 2.1.1. Khái niệm chất lượng và QLCLCT xây dựng

##### 2.1.1.1. Chất lượng công trình xây dựng

- CTXD là sản phẩm được tạo thành bởi sức lao động của con người, vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình, được liên kết định vị với đất, có thể bao gồm phần dưới mặt đất, phần trên mặt đất, phần dưới mặt nước và phần trên mặt nước, được xây dựng theo thiết kế. CTXD bao gồm công trình dân dụng, công trình công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác; [1]

- CLCT xây dựng không chỉ đảm bảo sự an toàn về mặt kỹ thuật mà còn phải thỏa mãn các yêu cầu về an toàn sử dụng có chứa đựng yếu tố xã hội và kinh tế. Có được CLCT xây dựng như mong muốn, có nhiều yếu tố ảnh hưởng, trong đó yếu tố cơ bản nhất là năng lực quản lý (của chính quyền, của CĐT) và năng lực của các nhà thầu tham gia các quá trình hình thành sản phẩm xây dựng. Từ góc độ bản thân sản phẩm xây dựng và người thụ hưởng sản phẩm xây dựng, CLCT xây dựng được đánh giá bởi các đặc tính cơ bản như: công năng, độ tiện dụng; tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật; độ bền vững, tin cậy; tính thẩm mỹ; an toàn trong khai thác, sử dụng, tính kinh tế; và đảm bảo về tính thời gian (thời gian phục vụ của công trình). Rộng hơn, chất lượng công trình xây dựng còn có thể và cần được hiểu không chỉ từ góc độ của bản thân sản phẩm và người hưởng thụ sản phẩm xây dựng mà còn cả trong quá trình hình thành sản phẩm xây dựng đó.

Một số vấn đề cơ bản trong đó là:

- CLCT xây dựng cần được quan tâm ngay từ khi hình thành ý tưởng về xây dựng công trình, từ khâu quy hoạch, lập dự án, chất lượng khảo sát, chất lượng thiết kế...;

- CLCT tổng thể phải được hình thành từ chất lượng của nguyên vật liệu, cấu kiện, chất lượng của công việc xây dựng riêng lẻ, của các bộ phận, hạng mục công trình;

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật không chỉ thể hiện ở các kết quả thí nghiệm, kiểm định nguyên vật liệu, cấu kiện, máy móc thiết bị mà còn ở quá trình hình thành và thực hiện các bước công nghệ thi công, chất lượng các công việc của đội ngũ công nhân, kỹ sư lao động trong quá trình thực hiện các hoạt động xây dựng;

- Vấn đề an toàn không chỉ là trong khâu khai thác, sử dụng đối với người thụ hưởng công trình mà còn là cả trong giai đoạn thi công xây dựng đối với đội ngũ công nhân, kỹ sư xây dựng;

- Tính thời gian không chỉ thể hiện ở thời hạn công trình đã xây dựng có thể phục vụ mà còn ở thời hạn phải xây dựng và hoàn thành, đưa công trình vào khai thác, sử dụng;

- Tính kinh tế không chỉ thể hiện ở số tiền quyết toán công trình chủ đầu tư phải chi trả mà còn thể hiện ở góc độ đảm bảo lợi nhuận cho các nhà thầu thực hiện các hoạt động và dịch vụ xây dựng như lập dự án, khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng.

#### 2.1.1.2. Quản lý chất lượng công trình xây dựng

- Quản lý: Quản lý theo nghĩa chung nhất là sự tác động của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Quản lý là một hoạt động có tính chất phổ biến, mọi nơi, mọi lúc, trong mọi lĩnh vực, mọi cấp độ và liên quan đến mọi người. Đó là một hoạt động xã hội bắt đầu từ tính chất cộng đồng dựa trên sự phân công và hợp tác làm một công việc để đạt được mục tiêu chung [8]

- Quản lý chất lượng:

QLCL là tập hợp những hoạt động chức năng quản lý chung nhằm xác định chính sách chất lượng, mục đích chất lượng và thực hiện bằng

những phương tiện như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đảm bảo chất lượng và cải tiến chất lượng trong khuôn khổ một hệ thống;

QLCL hiện đã được áp dụng trong mọi ngành công nghiệp, không chỉ trong sản xuất mà trong mọi lĩnh vực, trong mọi loại hình tổ chức, từ quy mô lớn đến quy mô nhỏ, cho dù có tham gia vào thị trường quốc tế hay không. QLCL đảm bảo cho tổ chức làm đúng những việc phải làm và những việc quan trọng, theo triết lý “làm việc đúng” và “làm đúng việc”, “làm đúng ngay từ đầu” và “làm đúng tại mọi thời điểm”.

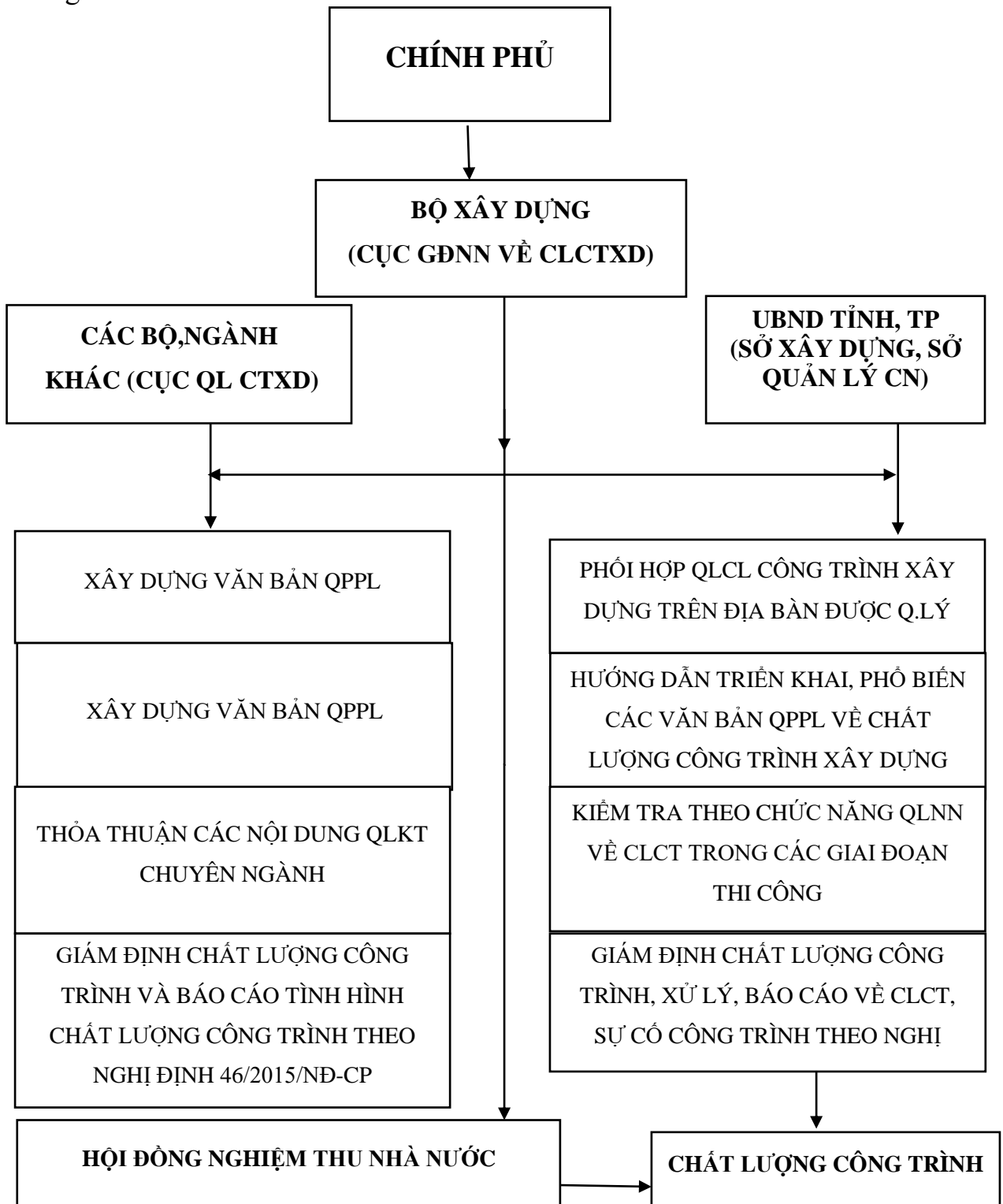
QLCL dự án bao gồm tất cả các hoạt động có định hướng và liên tục mà một tổ chức thực hiện để xác định đường lối, mục tiêu và trách nhiệm để dự án thỏa mãn được mục tiêu đã đề ra, nó thiết lập hệ thống quản lý chất lượng thông qua đường lối, các quy trình và các quá trình lập kế hoạch chất lượng, đảm bảo chất lượng, kiểm soát chất lượng;

- QLCL công trình xây dựng: QLCL công trình xây dựng là hoạt động của nhà nước, CĐT, tư vấn và các bên tham gia các hoạt động xây dựng quy định để công trình sau khi đi xây dựng xong đảm bảo đúng mục đích, đúng kỹ thuật và đạt hiệu quả kinh tế cao nhất. Theo từng giai đoạn và các bước xây dựng công trình các bên liên quan sẽ đưa ra các biện pháp quản lý tối ưu để kiểm soát nâng cao chất lượng công trình theo quy định hiện hành (hình 2.1).

#### 2.1.2. Sự cần thiết của quản lý CLCT xây dựng

CTXD là một sản phẩm hàng hóa đặc biệt phục vụ cho sản xuất và các yêu cầu của đời sống con người. Hàng năm vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, của doanh nghiệp của người dân dành cho xây dựng là rất lớn. Vì vậy, chất lượng công trình xây dựng là vấn đề cần được hết sức quan tâm, nó có tác động trực tiếp đến sự phát triển bền vững, hiệu quả kinh tế, đời sống của con người. Trong thời gian qua, cùng với việc ban hành các chính sách, các văn bản pháp quy tăng cường công tác QLCLCT xây dựng, chúng ta đã xây dựng được nhiều công trình xây dựng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi... góp phần quan trọng vào hiệu quả của nền kinh tế quốc dân, xây dựng hàng triệu m<sup>2</sup> nhà ở, hàng vạn

trường học, công trình văn hóa, thể thao...thiết thực phục vụ và nâng cao đời sống của nhân dân.



Hình 2.1. Mô hình quản lý nhà nước về CLCT xây dựng



Tuy nhiên, bên cạnh những công trình đạt chất lượng, cũng còn không ít công trình có chất lượng kém, không đáp ứng được yêu cầu sử dụng, công trình nứt, vỡ, lún sụt, thấm dột, bong dộp đưa vào sử dụng thời gian ngắn đã hư hỏng gây tốn kém, phải sửa chữa, phá đi làm lại. Đã thế, nhiều công trình không tiến hành bảo trì hoặc bảo trì không đúng định kỳ làm giảm tuổi thọ công trình. Cá biệt ở một số công trình gây sự cố làm thiệt hại rất lớn đến tiền của và tính mạng, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả đầu tư.

Do đó công tác QLCL CTXD cần được coi trọng từ việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL về QLCL công trình xây dựng; tăng cường vai trò cơ quan chuyên môn trong công tác tiền kiểm, hậu kiểm; tăng cường năng lực của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra sự tuân thủ các quy định về QLCL công trình xây dựng của các chủ thể trong các khâu khảo sát, thiết kế, thi công, nghiệm thu, bảo hành và bảo trì công trình; có chế tài xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm về QLCL công trình xây dựng...

### 2.1.3. Vai trò của công tác quản lý chất lượng

Khi nói đến tầm quan trọng của quản lý chất lượng trong nền kinh tế ta không thể không nghĩ đến hiệu quả kinh tế mà nó mang lại cho nền kinh tế. QLCL giữ vai trò quan trọng trong công tác quản lý và quản trị kinh doanh. QLCL chính là quản lý mà có chất lượng, là quản lý toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh. Quản lý chất lượng giữ một vị trí then chốt đối với sự phát triển kinh tế, đời sống của người dân và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

Đối với nền kinh tế quốc dân: Hoạt động QLCL đem lại hiệu quả cao cho nền kinh tế tiết kiệm được lao động cho xã hội do sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên, sức lao động, công cụ lao động, tiền vốn... Nâng cao chất lượng có ý nghĩa tương tự như tăng sản lượng mà lại tiết kiệm được lao động. Nâng cao chất lượng sản phẩm cũng làm cho nền kinh tế được phát triển cả về chất và

lượng. Từ đó tạo đòn bẩy cho nền kinh tế tăng trưởng và phát triển một cách bền vững;

Đối với khách hàng: khi có hoạt động quản lý chất lượng, khách hàng sẽ được thụ hưởng những sản phẩm hàng hóa dịch vụ có chất lượng tốt hơn với chi phí thấp hơn;

Đối với doanh nghiệp: QLCL là cơ sở để tạo niềm tin cho khách hàng; giúp doanh nghiệp có khả năng duy trì và mở rộng thị trường làm tăng năng suất, giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Từ đó, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường;

Trong cơ chế thị trường, cơ cấu sản phẩm, chất lượng sản phẩm hay giá cả và thời gian giao hàng là yếu tố quyết định rất lớn đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp mà các yếu tố này phụ thuộc rất lớn vào hoạt động QLCL;

Chất lượng sản phẩm và QLCL là vấn đề sống còn của các doanh nghiệp trong điều kiện hiện nay. Tầm quan trọng của QLCL ngày càng được nâng cao, do đó chúng ta phải không ngừng nâng cao trình độ quản lý chất.

#### 2.1.4 Mục đích của công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng

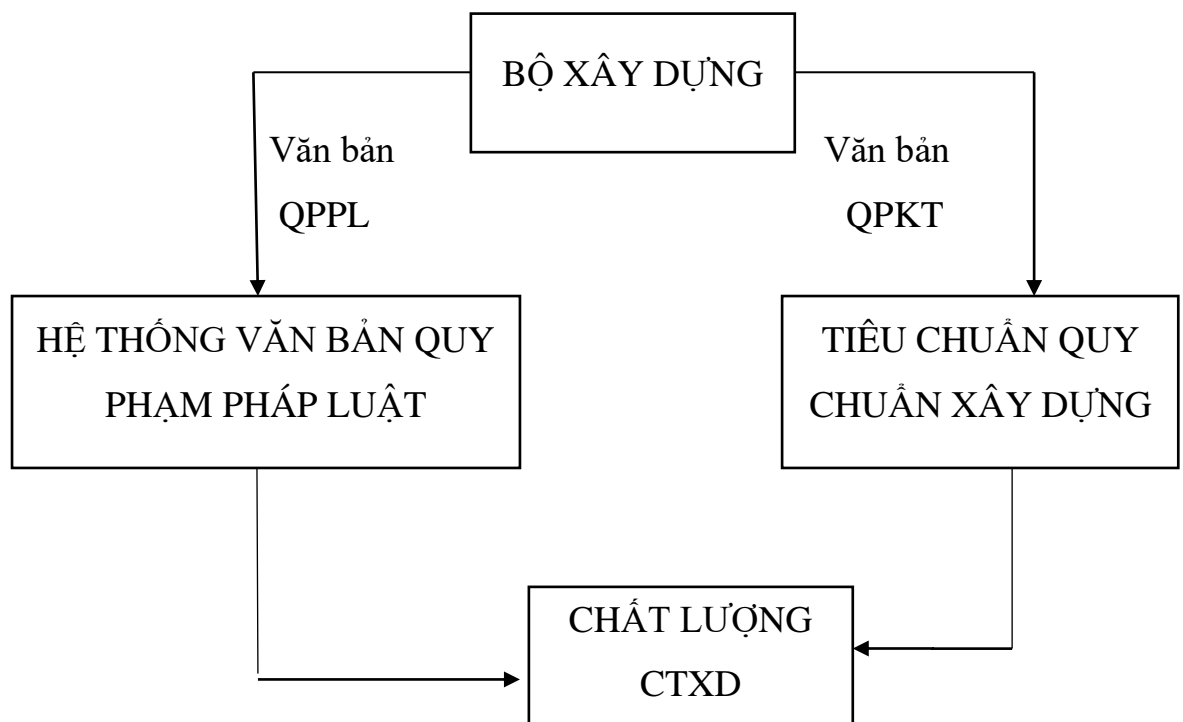
Mục đích công tác QLCL công trình nhằm phân định rõ trách nhiệm QLCL công trình xây dựng giữa chủ đầu tư và các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng trong quá trình hình thành sản phẩm xây dựng, nâng cao chất lượng công trình, phát huy hiệu quả vốn đầu tư;

Công tác QLCL công trình được tăng cường kiểm soát tốt tại các giai đoạn đầu tư xây dựng sẽ hạn chế tối đa những sự cố công trình xây dựng, tạo ra công trình đảm bảo chất lượng, bền vững là góp phần tích cực thúc đẩy sự phát triển của ngành xây dựng, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn hiện nay.

#### 2.1.5. Yêu cầu của công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng [4]

Chất lượng công trình phải là sự phối hợp thống nhất với các yếu tố kỹ thuật, mỹ thuật, kinh tế..., chất lượng công trình được hình thành trong tất cả mọi hoạt động, mọi quá trình do đó phải được xem xét một cách chặt chẽ giữa các yếu tố tác động trực tiếp, gián tiếp, bên trong và bên ngoài, cụ thể:

- CTXD phải được kiểm soát chất lượng theo quy định của Nghị định 46/2015/NĐ-CP và pháp luật có liên quan từ chuẩn bị, thực hiện đầu tư xây dựng đến quản lý, sử dụng công trình nhằm đảm bảo an toàn cho người, tài sản, thiết bị, công trình và các công trình lân cận;



*Hình 2.2. Mô hình Hệ thống VBPL QLCL CTXD*

- Hạng mục công trình, CTXD hoàn thành chỉ được phép đưa vào khai thác, sử dụng sau khi được nghiệm thu bảo đảm yêu cầu của thiết kế xây dựng, tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật cho công trình, các yêu cầu của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan;

- Nhà thầu khi tham gia hoạt động xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định, phải có biện pháp tự quản lý chất lượng các công việc xây

dựng do mình thực hiện, Nhà thầu chính hoặc tổng thầu có trách nhiệm QLCL công việc do nhà thầu phụ thực hiện;

- CĐT có trách nhiệm tổ chức QLCL công trình phù hợp với hình thức đầu tư, hình thức QLDA, hình thức giao thầu, quy mô và nguồn vốn đầu tư trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo quy định của Nghị định này. CĐT được quyền tự thực hiện các hoạt động xây dựng nếu đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật;

- Cơ quan chuyên môn về xây dựng hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình; thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng, tổ chức thực hiện giám định chất lượng công trình xây dựng; kiến nghị và xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật;

- Các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng trên chịu trách nhiệm về chất lượng các công việc do mình thực hiện.

#### 2.1.6. Quá trình hình thành chất lượng công trình xây dựng [5]

CLCT xây dựng được hình thành trên các giai đoạn của quá trình đầu tư xây dựng dự án gồm: Công tác chuẩn bị đầu tư; thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư;

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

Đây là giai đoạn có vai trò quan trọng quyết định CLCT xây dựng, là yếu tố đầu vào làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo của dự án. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư bao gồm các công việc: Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (nếu có); lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng để xem xét, quyết định đầu tư xây dựng và các công việc khác như quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt, chủ trương, địa điểm của cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện;

- Giai đoạn thực hiện đầu tư: Chất lượng của các nội dung công việc trong giai đoạn thực hiện đầu tư là yếu tố chính quyết định đến CLCT xây dựng; giai đoạn thực hiện đầu tư bao gồm các công việc: Giao đất hoặc thuê đất (nếu có),

chuẩn bị mặt bằng xây dựng, rà phá bom mìn (nếu có), khảo sát xây dựng; lập, thẩm định phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng, tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công và ký kết hợp đồng, thi công xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng, nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng; các công việc chính trong giai đoạn thực hiện đầu tư:

+ Khảo sát xây dựng: Gồm công tác khảo sát địa hình, khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa chất thủy văn, khảo sát hiện trạng công trình và các khảo sát khác phục vụ cho hoạt động xây dựng. Đây là công việc rất quan trọng trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả đầu tư, cũng như chất lượng công trình xây dựng. Khảo sát xây dựng trong giai đoạn thực hiện đầu tư là khảo sát địa chất công trình để phục vụ công tác lập hồ sơ thiết kế công trình xây dựng. Chất lượng khảo sát đóng vai trò quan trọng, cung cấp các thông số để quyết định việc tính toán ổn định một công trình, tránh rủi ro lún, nứt công trình xây dựng. Do đó quản lý chất lượng khảo sát là công việc không thể thiếu và thường xuyên, không chỉ của các tổ chức, cơ quan làm công tác khảo sát mà công việc không thể xem nhẹ của cơ quan quản lý nhà nước;

+ Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế: Chất lượng công tác thiết kế có vai trò rất quan trọng liên quan đến sự ổn định công trình, thiết kế quy định về không gian, bố cục hình khối, thẩm mỹ của các bộ phận công trình, sự phối hợp của công trình với môi trường, cảnh quan, mức độ ưa chuộng của người sử dụng, chất lượng thiết kế quyết định đến việc sử dụng vốn đầu tư tiết kiệm, hợp lý, kinh tế do đó việc thẩm định và phê duyệt thiết kế của cơ quan có chức năng có thẩm quyền nhằm kiểm tra, rà soát sự các tồn tại, những điểm chưa hợp lý trong công tác thiết kế để khắc phục, điều chỉnh cho phù hợp;

+ Lựa chọn nhà thầu [2]: Đấu thầu là quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp trên cơ sở đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

Đấu thầu là khâu quan trọng và có vai trò rất lớn trong quá trình thực hiện dự án, mang đến các lợi ích nhất định đối với các chủ thể trực tiếp khi thực hiện:

Đối với CĐT: Công tác đấu thầu đem lại cho chủ đầu tư một sự lựa chọn tối ưu đối với các nhà thầu tham gia vào công việc thi công xây dựng công trình. Giúp cho chủ đầu tư tìm được một nhà thầu có đủ điều kiện và năng lực tạo ra sản phẩm đạt chất lượng như mong đợi của CĐT. Về lợi ích kinh tế đó là thông qua công tác đấu thầu chủ đầu tư sẽ giảm được đến mức tối đa chi phí xây dựng thông qua giá bỏ thầu giữa các nhà thầu. Qua công tác đấu thầu chủ đầu tư được toàn quyền quyết định khi đưa ra các điều kiện thông qua hồ sơ mời thầu, do đó chỉ những nhà thầu có khả năng đáp ứng các điều kiện theo hồ sơ mời thầu mới có thể tham gia đấu thầu và chịu trách nhiệm đối với mọi điều kiện cũng như trách nhiệm pháp lý đối với hồ sơ dự thầu của mình khi tham gia đấu thầu. Đây là điều kiện đảm bảo cho quá trình thực hiện hợp đồng của nhà thầu sau khi thắng thầu, hạn chế đến mức tối đa những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng. Có sự ràng buộc lẫn nhau giữa chủ đầu tư và nhà thầu, điều này có lợi cho chủ đầu tư khi thực hiện hợp đồng xây dựng;

Đối với nhà thầu: Hình thức đấu thầu trong xây dựng cơ bản tạo nên một thị trường cạnh tranh bình đẳng đối với tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Để tham gia vào thị trường đòi hỏi doanh nghiệp phải năng động và có khả năng về trình độ, năng lực chuyên môn, đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, năng động luôn tiếp cận và cọ sát với thị trường, đội ngũ công nhân có chuyên môn và tay nghề cao, khả năng áp dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, trang thiết bị cơ sở vật chất kỹ thuật và máy móc thiết bị thi công đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu thị trường khu vực cũng như quốc tế;

Thực hiện hợp đồng xây dựng thông qua hình thức đấu thầu là động lực mạnh mẽ giúp cho các nhà thầu trong nước tham gia vào thị trường mang tính cạnh tranh quốc tế, là điều kiện để các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam có đủ điều kiện và cơ hội hội nhập với khu vực và thế giới;

Đối với nền kinh tế: Hoạt động đấu thầu trong xây dựng cơ bản sẽ đem lại cho nền kinh tế những sản phẩm có chất lượng cao đem lại hiệu quả kinh tế cho các nhà đầu tư, thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển nền kinh tế quốc gia;

Tạo động lực cho sự phát triển của các ngành sản xuất trong nước, tạo nên một mặt bằng mới về cơ sở hạ tầng kỹ thuật cói công nghệ tiên tiến hiện đại, từ đó tạo nên một tư duy mới trong xã hội hiện đại theo mục tiêu công nghiệp hóa và hiện đại hóa nền kinh tế;

Từ những nội dung trên công tác quản lý chất lượng trong công tác đấu thầu cần phải được nâng cao và phải được kiểm tra thường xuyên nhằm mục đích lựa chọn được nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm để thực hiện các gói thầu trong quá trình thực hiện dự án, hạn chế các tối đa các tiêu cực trong đấu thầu.

+ Giai đoạn thi công: Đây là quá trình kiến tạo công trình theo đúng bản vẽ thiết kế thi công được duyệt. Kích thước kết cấu, bộ phận công trình, đường nét, điểm nhấn kiến trúc công trình làm nên xương sống của công trình được chỉ định trong thiết kế đều là những điểm bắt buộc đối với quá trình thi công. Sự đáp ứng đầy đủ, chính xác và hơn nữa là vượt trội, các tính chất nêu trên là cơ sở của chất lượng công trình xây dựng. Các yếu tố trên đạt được hay không và đạt được mức độ nào chính là do khâu thi công quyết định. Sự đặc chắc của tường gạch, sự đồng nhất của kết cấu bê tông, cốt thép, độ mịn, độ phẳng của bề mặt lớp trát,... đều do quá trình thi công quyết định, do trình độ, tay nghề công nhân tạo thành;

- Giai đoạn kết thúc đầu tư: Giai đoạn kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng gồm các công việc: Quyết toán hợp đồng xây dựng, bảo hành công trình xây dựng. Chất lượng của giai đoạn kết thúc đầu tư là rất quan trọng nó quyết định đầu ra của dự án: Đánh giá chất lượng công trình có đảm bảo theo hợp đồng xây lắp khi đưa vào sử dụng không, đánh giá mức độ hiệu quả đầu tư của dự án, việc vận hành sử dụng và hướng dẫn sử dụng các hạng mục công trình đúng công năng, kỹ thuật, mục đích sử dụng làm cơ sở cho việc bảo hành công trình xây dựng.

### 2.1.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng công trình xây dựng

CLCT xây dựng bị ảnh hưởng bởi rất nhiều yếu tố khác nhau, trực tiếp hoặc gián tiếp, được chia thành hai nhóm yếu tố ảnh hưởng:

#### 2.1.7.1. Nhóm yếu tố khách quan

Những yếu tố khách quan cơ bản ảnh hưởng đến CLCT xây dựng:

- Trình độ phát triển của khoa học kỹ thuật, công nghệ: Sự phát triển của khoa học kỹ thuật – công nghệ sẽ tạo ra được các sản phẩm CTXD thẩm mỹ hơn, sử dụng các loại vật liệu mới hay vật liệu thay thế với giá thành rẻ hơn, công nghệ tiên tiến hơn, chất lượng hơn, thân thiện với môi trường;

- Thị trường: Để tạo ra được những sản phẩm xây dựng phù hợp công năng sử dụng, đáp ứng nhu cầu của thị trường thì các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng phải nắm bắt được những yếu tố hết sức cần thiết như nhu cầu của thị trường, thói quen, phong tục, tập quán, văn hóa... của người sử dụng công trình;

- Chính sách, pháp luật của nhà nước: Các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động xây dựng luôn có mối quan hệ chặt chẽ và chịu ảnh hưởng của tình hình chính trị, kinh tế xã hội, đặc biệt là cơ chế quản lý của nhà nước là đòn bẩy thúc đẩy việc cải tiến, nâng cao chất lượng công trình, hình thành môi trường thuận lợi cho việc huy động các nguồn lực, các công nghệ mới và tiên tiến để công tác QLCLCT xây dựng ngày một tốt hơn;

- Điều kiện địa lý: Việt Nam có khí hậu cận nhiệt đới ẩm, gió mùa, mưa nhiều cũng tác động không nhỏ đến việc bảo quản các nguyên vật liệu xây dựng, biện pháp thi công, tiến độ thi công, an toàn lao động, vận hành máy móc thiết bị xây dựng;

#### 2.1.7.2. Nhóm yếu tố chủ quan

Những yếu tố chủ quan cơ bản ảnh hưởng đến CLCT xây dựng:

- Trình độ của lực lượng lao động trong hoạt động xây dựng: Là một trong những yếu tố quan trọng cơ bản giữ vị trí then chốt trong việc quản lý và nâng cao CLCT xây dựng, tạo ra những sản phẩm có chất lượng cho xã hội;



Cùng với công nghệ, lực lượng lao động thực hiện các hoạt động xây dựng có trình độ, kinh nghiệm sẽ làm giảm chi phí, thời gian và tăng hiệu quả công việc thực hiện; cùng với đó cần có các biện pháp tổ chức lao động khoa học, cung cấp đầy đủ điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn, vệ sinh cho người lao động song song với các chính sách động viên, khuyến khích thưởng phạt rõ ràng, công khai để người lao động có động cơ nghiên cứu, sáng tạo, cải tiến nâng cao chất lượng công việc;

- Phương pháp quản lý: Phương pháp quản lý tốt sẽ tạo điều kiện cho các tổ chức có thể khai thác tốt nguồn lực hiện có, góp phần nâng cao CLCT xây dựng, các khâu trong hoạt động xây dựng phải được tổ chức một cách hợp lý, hiệu quả nhất; Hoàn thiện phương pháp quản lý, trình độ nhận thức của cán bộ quản lý về chính sách chất lượng và kế hoạch chất lượng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao CLCT xây dựng;

- Thiết bị, công nghệ: Trong nhiều trường hợp, trình độ và cơ cấu công nghệ quyết định đến chất lượng sản phẩm tạo ra. Thiết bị, công nghệ tác động tới những tính năng kỹ thuật của sản phẩm và năng suất lao động, đặc biệt là các tổ chức có mức độ tự động hóa cao, có dây chuyền sản xuất hiện đại sẽ tạo ra các sản phẩm chất lượng và tăng năng xuất lao động;

- Nguyên vật liệu: Nguyên nhiên liệu, vật tư có nguồn gốc rõ ràng về chất lượng, số lượng, đồng bộ, đáp ứng kịp thời sẽ đảm bảo tiến độ và nâng cao chất lượng công trình;

- Quan điểm của lãnh đạo các tổ chức tham gia vào hoạt động xây dựng: Theo quan điểm quản trị chất lượng sản phẩm hiện đại, mặc dù công nhân lao động là người trực tiếp tạo ra CTXD nhưng người quản lý, lãnh đạo tổ chức phải chịu trách nhiệm đối với từng sản phẩm sản xuất ra;

Lãnh đạo các tổ chức cần bố trí nhân lực phù hợp với vị trí việc làm, sở trường của từng cá nhân để họ phát huy hết khả năng và công hiến cho tổ chức;

Các chính sách chất lượng và kế hoạch chất lượng được lãnh đạo các tổ chức quyết định do đó quan điểm của họ ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện CLCT xây dựng của tổ chức đó

#### 2.1.8. Các cấp độ quản lý chất lượng công trình

##### 2.1.8.1. Kiểm tra chất lượng

Kiểm tra chất lượng là hoạt động như đo, xem xét, thử nghiệm hoặc định cỡ một hay nhiều đặc tính của đối tượng và so sánh kết quả với yêu cầu quy định nhằm xác định sự phù hợp của mỗi đặc tính;

Đặc trưng quan trọng nhất của phương thức quản lý chất lượng ở trình độ này là chỉ kết quả kiểm tra của quá trình nhằm phân loại và đánh giá sản phẩm, ít tác động vào quá trình sản xuất. Mặc dù phát hiện được khuyết tật, điều được tiến hành nghiên cứu và đề ra biện pháp khắc phục, nhưng không giải quyết được gốc rễ của vấn đề.

Kiểm tra là một sự phân loại sản phẩm đã được chế tạo, một cách sử lý chuyên đã rồi. Ngoài ra, sản phẩm phù hợp quy định cũng chưa chắc thỏa mãn nhu cầu thị trường, nếu như các quy định không phản ánh đúng nhu cầu.

##### 2.1.8.2. Kiểm soát chất lượng

Kiểm soát chất lượng là những hoạt động và kỹ thuật có tính tác nghiệp, được sử dụng nhằm đáp ứng các yêu cầu về chất lượng;

Đặc điểm chung là thực hiện phương châm phòng ngừa ngay trong quá trình sản xuất để thay thế cho hành động chữa bệnh trong kiểm tra. Do đó muốn xây một ngôi nhà có chất lượng tốt, trước hết phải xây dựng một nền móng vững chắc;

Kiểm soát chất lượng là kiểm soát mọi yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình tạo chất lượng bao gồm:

+ Kiểm soát con người thực hiện: Tất cả mọi người từ lãnh đạo cho đến nhân viên;

+ Kiểm soát phương pháp và quy trình sản xuất: Có nghĩa là phương pháp và quá trình phải phù hợp, quá trình phải được lập kế hoạch và theo dõi thường xuyên;

+ Kiểm soát nguyên vật liệu đầu vào: Cung cấp nguyên vật liệu phải được lựa chọn, nguyên vật liệu phải được kiểm tra chặt chẽ trước khi nhập vào;

+ Kiểm soát, bảo dưỡng thiết bị: Thiết bị phải được kiểm tra thường xuyên, định kỳ và được bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng quy định;

+ Kiểm soát môi trường, ánh sáng, nhiệt độ...

Kiểm soát chất lượng khắc phục được những sai sót ngay trong quá trình thực hiện, hơn là đợi đến khâu cuối cùng mới tiến hành sàng lọc sản phẩm. Việc kiểm soát chất lượng nhằm chủ yếu vào quá trình sản xuất;

#### 2.1.8.3. Đảm bảo chất lượng

Đảm bảo chất lượng là toàn bộ các hoạt động có kế hoạch và hệ thống được tiến hành trong hệ chất lượng và được chứng minh là đủ mức cần thiết để tạo sự tin tưởng thỏa đáng rằng thực thể sẽ thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu chất lượng;

Đảm bảo chất lượng nhằm hai mục đích: Đảm bảo chất lượng nội bộ nhằm tạo lòng tin cho lãnh đạo và các thành viên, đảm bảo chất lượng với bên ngoài nhằm tạo lòng tin cho khách hàng và những người có liên quan rằng yêu cầu chất lượng được thỏa mãn.

#### 2.1.8.4. Kiểm soát chất lượng toàn diện

Kiểm soát chất lượng toàn diện là một hệ thống có hiệu quả để nhất thể hóa các nỗ lực phát triển chất lượng, duy trì chất lượng và cải tiến chất lượng của các nhóm khác nhau vào trong một tổ chức sao cho các hoạt động Marketing kỹ thuật, sản xuất và dịch vụ có thể tiến hành một cách kinh tế nhất, cho phép thỏa mãn hoàn toàn khách hàng;

Theo ISO 8402:1994: Quản lý chất lượng toàn diện là phương pháp quản lý của một tổ chức, định hướng vào chất lượng, dựa trên sự tham gia của mọi

thành viên nhằm đạt được sự thành công lâu dài nhờ việc thỏa mãn khách hàng và đem lại lợi ích cho các thành viên của một tổ chức đó và cho xã hội;

Mục tiêu của quản lý chất lượng toàn diện là cải tiến chất lượng sản phẩm và thỏa mãn khách hàng ở mức tốt nhất cho phép; toàn diện nghĩa là huy động toàn diện các nhân viên, lập kế hoạch chất lượng và kiểm soát từ khâu thiết kế mỗi quá trình, chất lượng bao gồm cả dịch vụ đối với khách hàng và cả khách hàng nội bộ công ty.

## **2.2. Cơ sở pháp lý về quản lý chất lượng công trình xây dựng**

Trong những năm qua, các quy định về QLCLCT đối với các dự án đầu tư xây dựng đã được nhà nước ban hành, được sửa đổi, bổ sung ngày càng hoàn thiện. Luật xây dựng là căn cứ pháp lý cao nhất do Quốc hội ban hành, tiếp đến là Nghị định hướng dẫn luật do Chính phủ ban hành, Thông tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định do các Bộ có thẩm quyền ban hành, Quyết định của Chính phủ, các Bộ, UBND các địa phương ban hành căn cứ các văn bản QPPL để hướng dẫn, áp dụng thực hiện.

### **2.2.1 Các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương về QLCT CTXD**

#### ***a. Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014***

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 18/6/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 [1] thay thế Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 năm 2003; Luật xây dựng năm 2014 là hành lang pháp lý cơ bản nhất đối với chủ thể tham gia vào hoạt động đầu tư xây dựng nhưng một số chương mang tính khái quát nên phải có các văn bản hướng dẫn chi tiết dưới luật để dễ dàng triển khai thực hiện và áp dụng. Các văn bản dưới luật thực tế ban hành rất chậm, thường hay sửa đổi, bổ sung trong thực tế do đó gây nhiều khó khăn cho các chủ thể trong quá trình tham gia các hoạt động xây dựng;

- Luật Xây dựng điều chỉnh toàn bộ các vấn đề liên quan đến các hoạt động xây dựng và là cơ sở pháp lý chủ yếu để điều chỉnh các mối quan hệ phát sinh trong hoạt động xây dựng;

- Luật Xây dựng nâng cao hiệu lực công tác quản lý nhà nước, xác định rõ trách nhiệm cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng, phân định quản lý nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng, đảm bảo các công trình có chất lượng, an toàn phù hợp với quy hoạch, kiến trúc và tiết kiệm, thúc đẩy cải cách hành chính trong quản lý xây dựng của nhà nước nhất là trong giai đoạn hiện nay;

- Luật xây dựng thiết lập khung pháp lý có hiệu quả tạo môi trường cạnh tranh công bằng, lành mạnh, đảm bảo sự bình đẳng giữa các chủ thể tham gia trong lĩnh vực xây dựng;

- Các quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 [1] thể hiện qua 10 chương và 168 Điều, cụ thể một số Điều liên quan đến QLCL công trình như sau:

- + Điều 107. Điều kiện khởi công xây dựng công trình;
- + Điều 109. Yêu cầu đối với công trường xây dựng;
- + Điều 110. Yêu cầu về sử dụng vật liệu xây dựng;
- + Điều 111. Yêu cầu đối với thi công xây dựng công trình;
- + Điều 112. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư trong việc thi công xây dựng công trình;
- + Điều 113. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu thi công xây dựng;
- + Điều 114. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu thiết kế trong việc thi công xây dựng;
- + Điều 115. An toàn trong thi công xây dựng công trình;
- + Điều 116. Bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình;
- + Điều 119. Sự cố công trình xây dựng;
- + Điều 120. Giám sát thi công xây dựng công trình;
- + Điều 121. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư trong việc giám sát thi công xây dựng công trình;
- + Điều 122. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình;

- + Điều 123. Nghiệm thu công trình xây dựng;
- + Điều 124. Bàn giao công trình xây dựng;
- + Điều 125. Bảo hành công trình xây dựng;
- + Điều 126. Bảo trì công trình xây dựng;

*b. Nghị định 46/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng*

- Nghị định 46/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì CTXD gồm 8 chương và 57 Điều hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 [4] thay thế Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng và Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng trừ các nội dung liên quan đến thẩm tra thiết kế của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng; áp dụng cho Chủ đầu tư, nhà thầu, tổ chức và cá nhân tham gia công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, bảo hành, bảo trì và quản lý dự dựng công trình xây dựng ở Việt Nam;

Các quy định của Nghị định 46/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ “về quản lý chất lượng công trình” gồm 08 chương và 57 Điều, cụ thể một số Điều quy định chi tiết liên quan đến QLCL công trình xây dựng như sau:

- + Điều 11. Trình tự quản lý chất lượng khảo sát xây dựng;
- + Điều 12. Nhiệm vụ khảo sát xây dựng;
- + Điều 13. Phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng;
- + Điều 14. Quản lý chất lượng công tác khảo sát xây dựng;
- + Điều 15. Nội dung báo cáo kết quả khảo sát xây dựng;
- + Điều 16. Nghiệm thu, phê duyệt báo cáo kết quả khảo sát xây dựng;
- + Điều 17. Trình tự quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình;
- + Điều 18. Nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình;
- + Điều 19. Chỉ dẫn kỹ thuật;
- + Điều 20. Quản lý chất lượng công tác thiết kế xây dựng;

- + Điều 21. Quy cách hồ sơ thiết kế xây dựng công trình;
- + Điều 22. Thẩm định, thẩm tra, phê duyệt, nghiệm thu, lưu trữ thiết kế xây dựng công trình;
- + Điều 23. Trình tự quản lý chất lượng thi công xây dựng;
- + Điều 24. Quản lý chất lượng đối với vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng;
- + Điều 25. Quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình;
- + Điều 26. Giám sát thi công xây dựng công trình;
- + Điều 27. Nghiệm thu công việc xây dựng;
- + Điều 28. Giám sát tác giả của nhà thầu thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình;
- + Điều 29. Thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình trong quá trình thi công xây dựng;
- + Điều 30. Nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng;
- + Điều 31. Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng;
- + Điều 32. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng;
- + Điều 33. Lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng;
- + Điều 34. Bàn giao hạng mục công trình, công trình xây dựng;
- + Điều 35. Yêu cầu về bảo hành công trình xây dựng;
- + Điều 36. Thực hiện bảo hành công trình xây dựng;

*c. Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ Về quản lý dự án đầu tư xây dựng*

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ “Về quản lý dự án đầu tư xây dựng” có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2015 và thay thế Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng; các quy định về thẩm tra thiết kế quy định tại Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; Nghị định số 71/2005/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2005 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù; quy định tại Mục 1 Chương II Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam; Quyết định số 03/2012/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg; Quyết định số 39/2005/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Điều 121 của Luật Xây dựng. Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoạt động đầu tư xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam;

Các quy định của Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ “Về quản lý dự án đầu tư xây dựng” gồm 05 chương và 78 Điều, cụ thể một số Điều quy định chi tiết liên quan đến QLCL công trình xây dựng như sau:

Điều 3. Nguyên tắc cơ bản của quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Điều 4. Chủ đầu tư xây dựng;

Điều 5. Phân loại dự án đầu tư xây dựng;

Điều 6. Trình tự đầu tư xây dựng;

Điều 7. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng;

Điều 8. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và quyết định chủ trương đầu tư xây dựng;



- Điều 9. Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng;
- Điều 10. Thẩm quyền thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở;
- Điều 11. Trình tự thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở;
- Điều 12. Phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng;
- Điều 13. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;
- Điều 14. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở;
- Điều 15. Thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng;
- Điều 16. Hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Điều 17. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực;
- Điều 18. Tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực;
- Điều 19. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng một dự án;
- Điều 20. Thuê tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Điều 21. Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án;
- Điều 23. Các bước thiết kế xây dựng;
- Điều 26. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình thuộc dự án sử dụng vốn khác;
- Điều 27. Nội dung thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng;
- Điều 28. Nội dung phê duyệt thiết kế xây dựng;
- Điều 29. Hồ sơ thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng;
- Điều 30. Quy trình thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình;
- Điều 31. Nội dung quản lý thi công xây dựng công trình;
- Điều 32. Quản lý tiến độ thi công xây dựng công trình;
- Điều 33. Quản lý khối lượng thi công xây dựng công trình;
- Điều 34. Quản lý an toàn lao động trên công trường xây dựng;
- Điều 35. Quản lý môi trường xây dựng;
- Điều 36. Quản lý các công tác khác;

- Điều 37. Nghiệm thu đưa công trình và khai thác sử dụng;
- Điều 38. Kết thúc xây dựng công trình;
- Điều 39. Vận hành công trình xây dựng, dự án đầu tư xây dựng;
- Điều 44. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng;
- Điều 45. Điều kiện chung để được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng;
- Điều 46. Chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng;
- Điều 47. Chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng;
- Điều 48. Chứng chỉ hành nghề thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng;
- Điều 49. Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng;
- Điều 50. Chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng;
- Điều 51. Chứng chỉ hành nghề an toàn lao động trong xây dựng;
- Điều 52. Chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng;
- Điều 53. Điều kiện đối với chỉ huy trưởng công trường;
- Điều 54. Điều kiện năng lực đối với giám đốc quản lý dự án;
- Điều 59. Chứng chỉ năng lực của tổ chức khảo sát xây dựng;
- Điều 60. Chứng chỉ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng;
- Điều 61. Chứng chỉ năng lực của tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình;
- Điều 62. Chứng chỉ năng lực của tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng;
- Điều 63. Chứng chỉ năng lực của tổ chức tư vấn quản lý dự án;
- Điều 64. Điều kiện năng lực đối với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Điều 65. Chứng chỉ năng lực của tổ chức thi công xây dựng công trình;
- Điều 66. Chứng chỉ năng lực của tổ chức giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng;
- Điều 67. Chứng chỉ năng lực của tổ chức tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Điều 68. Điều kiện của tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động xây dựng;

### **2.2.2. Các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Quảng Ninh về QLCL CTXD**

Sau khi các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương được ban hành và có hiệu lực, UBND tỉnh Quảng Ninh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn về xây dựng tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn, quy định cụ thể để triển khai thực hiện.

- Quyết định số 2999/2016/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND tỉnh “Quy định hướng dẫn quản lý dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh” [14]; Quyết định này thay thế Quyết định 3456/2015/QĐ-UBND ngày 02/11/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh và áp dụng đối với Các tổ chức, cá nhân có liên quan, tham gia vào hoạt động quản lý đầu tư, xây dựng, quy hoạch xây dựng, quản lý đất đai và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Các quy định của Quyết định 2999/2016/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh, gồm 11 chương và 147 Điều, cụ thể một số Điều quy định chi tiết liên quan đến QLCL công trình xây dựng như sau:

+ Điều 4. Nguyên tắc chung trong việc đầu tư và quản lý các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

+ Điều 5. Trình tự thực hiện các thủ tục đầu tư;

+ Điều 24. Các trường hợp phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước;

+ Điều 25. Các hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án;

+ Điều 27. Trình tự đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án;

+ Điều 43. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND Tỉnh;

+ Điều 51. Lập dự án đầu tư xây dựng;

+ Điều 52. Thẩm quyền thẩm định dự án, thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng;

+ Điều 53. Thẩm quyền phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng;

+ Điều 54. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

+ Điều 55. Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở;

+ Điều 58. Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

+ Điều 59. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng;

- Quyết định số 4119/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh “Quy định trình tự, thủ tục đầu tư các chương trình dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh”;

Các quy định của Quyết định số 4119/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh, gồm 6 chương và 28 Điều, cụ thể một số Điều quy định chi tiết liên quan đến QLCL công trình xây dựng như sau:

+ Điều 3. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư Chương trình, Dự án đầu tư công;

+ Điều 11. Lập dự án đầu tư xây dựng;

+ Điều 12. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

+ Điều 13. Thẩm quyền thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở;

+ Điều 14. Trình tự, nội dung thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở;

+ Điều 15. Hồ sơ thẩm định, thời gian thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

+ Điều 16. Thẩm quyền quyết định đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng;

+ Điều 17. Lập thiết kế, dự toán sau thiết kế cơ sở;

+ Điều 18. Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng sau thiết kế cơ sở;

+ Điều 19. Phê duyệt, điều chỉnh thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng;

- Quyết định phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh số 683/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của UBND; trong đó Điều 1 quy định UBND cấp huyện kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và khi hoàn thành thi công xây dựng đối với công trình thuộc trách nhiệm của Sở Xây dựng và Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành cấp III, cấp IV thuộc Báo cáo kinh tế kỹ thuật trên địa bàn do UBND cấp huyện quyết định đầu tư;

Các văn bản pháp luật nêu trên đã cụ thể hóa hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của trung ương và quy định phân công, phân cấp tổ chức QLCLCT xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giúp cho công tác quản lý đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình các dự án trên địa bàn tỉnh đảm bảo tiến độ, chất lượng, đúng trình tự thủ tục, thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế, văn hóa xã hội của tỉnh Quảng Ninh;

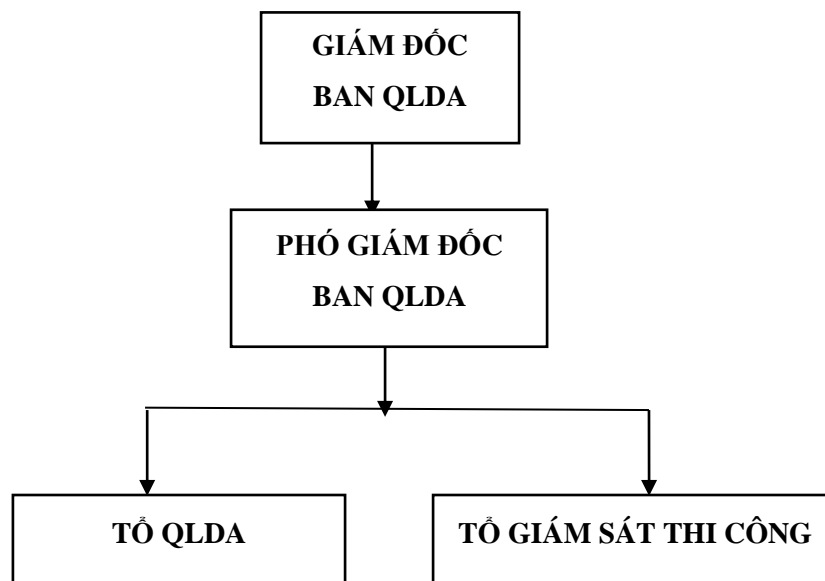
### **2.3. Nhận xét chương II**

Chương II tác giả đưa ra những khái niệm, quản lý chất lượng, quản lý chất công trình xây dựng, các yếu tố chủ quan, khách quan, các cấp độ quản lý chất lượng công trình, những cơ sở khoa học và pháp lý về chất lượng công trình xây dựng. Các cơ sở này là những công cụ hữu ích để quản lý, nhằm nâng cao chất công trình xây dựng tại công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè- thành phố Hạ Long.

### **CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ MỚI PHÍA ĐÔNG HÒN CẶP BÈ, THÀNH PHỐ HẠ LONG**

#### **3.1 Mô hình quản lý dự án**

Tác giả đề xuất phải thành lập Ban QLDA thay cho bộ phận QLDA hiện nay, Mô hình Ban quản lý dự án do CĐT thành lập nhằm thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới phía Đông hòn cặp bè thành phố Hạ Long có hiệu quả và các hạng mục khác của dự án theo quy định của Nghị định 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ “về quản lý dự án đầu tư xây dựng”,



Hình 3.1: Sơ đồ, cơ cấu tổ chức Ban QLDA công trình

#### **3.2 Giải pháp cơ cấu tổ chức**

Ban QLDA công trình được thành lập gồm có 10 người: Lãnh đạo Ban có Giám đốc (do Phó tổng giám đốc kỹ thuật Công ty kiêm nhiệm), 01 Phó giám đốc (do trưởng phòng Kỹ thuật kiêm nhiệm) và các phòng chuyên môn thuộc phòng Kế hoạch 04 cán bộ và phòng Kỹ thuật 04 cán bộ giúp việc cho Ban giám đốc;

Ban QLDA công trình làm việc theo chế độ thủ trưởng, Giám đốc ban là người chịu trách nhiệm cao nhất trước giám đốc Công ty, quản lý và điều hành

mọi hoạt động của ban. Giám đốc ban phải có trình độ chuyên ngành xây dựng phù hợp với yêu cầu của dự án và đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 54 Nghị định 59/2015/NĐ-CP;

Phó giám đốc Ban QLDA là người giúp việc cho Giám đốc ban, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định tại quy chế làm việc;

- Nguyên tắc hoạt động:

Giám đốc hoặc phó giám đốc Ban QLDA công trình phụ trách điều hành hoạt động của tổ thông qua Tổ trưởng; Tổ trưởng điều hành hoạt động của Tổ theo chế độ thủ trưởng và chịu trách nhiệm trước Ban lãnh ban, trước pháp luật về các nhiệm vụ được giao;

Phó tổ trưởng giúp việc cho tổ trưởng, trực tiếp chỉ đạo và thực hiện một số nhiệm vụ theo phân công của Tổ trưởng và chịu trách nhiệm trước tổ trưởng, trước Ban lãnh đạo ban QLDA và trước pháp luật về công việc được phân công;

Cán bộ trong các Tổ chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp của Tổ trưởng và chịu sự chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ của các tổ phó, chịu trách nhiệm trước tổ trưởng về phần việc được giao. Trong trường hợp Ban lãnh đạo Ban QLDA công trình làm việc trực tiếp với tổ phó và cán bộ thuộc các tổ thì phải có trách nhiệm thực hiện và báo cáo lại nội dung làm việc với Tổ trưởng;

Lãnh đạo ban, cán bộ trong các tổ chuyên môn có nhiệm phối với các phòng, ban khác trong Công ty, các tổ chức trong và ngoài Công ty để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao;

- Phân công nhiệm vụ:

+ Tổ quản lý dự án (thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư):

Tiếp nhận, kiểm tra, nghiệm thu hồ sơ dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật, bản vẽ thiết kế và dự toán công trình do các đơn vị tư vấn giao;

Tham mưu cho Phó giám đốc ban kiểm tra toàn bộ hồ sơ bản vẽ thiết kế, dự toán; xem xét và thống nhất trong tổ lựa chọn phương án tối ưu, đề xuất xử lý các sai sót theo yêu cầu thực tế và theo quy định nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng;

Thẩm định, báo cáo Ban lãnh đạo trình hồ sơ dự án cho Chủ đầu tư xem xét, quyết định phê duyệt dự án theo thẩm quyền, thẩm định hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán sau khi hồ sơ thiết kế cơ sở được cơ quan có thẩm quyền về xây dựng thẩm định, thẩm định khối lượng dự toán phát sinh tăng, giảm do thay đổi thiết kế trong quá trình thi công công trình;

Thực hiện việc lựa chọn nhà thầu theo quy định: Lập hồ sơ mời thầu (trường hợp đấu thầu), hồ sơ đề xuất (trường hợp chỉ định thầu), tổ chức đấu thầu, xét thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, thực hiện quy trình thương thảo hợp đồng xây dựng, xem xét về giá và thương thảo hoàn thiện chi phí xây dựng, thiết bị với nhà thầu để báo cáo Giám đốc Ban QLDA công trình xem xét trình Chủ đầu tư quyết định việc lựa chọn nhà thầu;

Tổ trưởng tổ QLDA có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra tác tổ viên thực hiện nhiệm vụ thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về đấu thầu;

Trong quá trình triển khai thực hiện Tổ trưởng phải thường xuyên báo cáo Lãnh đạo Ban QLDA những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Đề xuất biện pháp xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình giải quyết công việc;

+ Tổ giám sát kỹ thi công (thực hiện đầu tư)

Công tác giám sát thi công được đảm nhiệm bởi tổ trưởng tổ giám sát, tổ phó và tổ viên chuyên ngành phù hợp với loại công trình;

Tổ giám sát thi công tham gia quản lý, kiểm tra quá trình triển khai thi công công trình, chịu trách nhiệm chính trong công tác theo dõi và giám sát đơn vị Tư vấn giám sát thi công công trình thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng;

Phối hợp với TVGS thi công, tư vấn thiết kế (giám sát tác giả) kiểm tra, xác định khối lượng và chất lượng các công việc trong quá trình thi công đảm bảo theo hồ sơ thiết kế thi công công trình được phê duyệt, kết hợp với hồ



sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu và các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam về chất lượng thi công công trình xây dựng;

Cùng với các đơn vị tư vấn, nhà thầu thi công xử lý các yêu cầu tại hiện trường về những thay đổi, phát sinh trong quá trình thi công công trình, yêu cầu đơn vị thi công thực hiện đúng hồ sơ thiết kế thi công được duyệt đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, CLCT xây dựng, kịp thời báo cáo các khó khăn, vướng mắc trong quá trình giám sát với Ban lãnh đạo Ban QLDA biết để giải quyết theo thẩm quyền hoặc xin ý kiến CĐT xem xét, chỉ đạo thực hiện;

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Tổ giám sát phải thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền được giao, không được làm trái hoặc thông đồng với các đơn vị giám sát cố ý làm trái các quy định gây thiệt hại cho CĐT, làm ảnh hưởng đến CLCT xây dựng;

### **3.3 Giải pháp lựa chọn nhà thầu xây dựng và tư vấn giám sát**

Lựa chọn nhà thầu xây dựng là quá trình đấu thầu cạnh tranh giữa các nhà thầu theo quy định của Luật đấu thầu [2] nhằm xác định được nhà thầu thi công công trình đảm bảo các yêu cầu kinh tế - kỹ thuật đặt ra đối với việc xây dựng công trình.

#### **a. Năng lực nhà thầu trong hoạt động xây dựng**

Xây dựng, cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu về năng lực, tình hình chấp hành các quy định của pháp luật, thực hiện nghĩa vụ hợp đồng... của các doanh nghiệp tham gia hoạt động xây dựng làm cơ sở để lựa chọn nhà thầu có chất lượng thực hiện tư vấn và thi công công trình xây dựng:

- Xem xét đánh giá về tư cách pháp nhân, đăng ký hành nghề hoạt động, năng lực, kinh nghiệm... của các doanh nghiệp xây dựng;

- Đánh giá hiệu quả thực hiện của các nhà thầu sẽ giúp được CĐT lựa chọn được các nhà thầu có năng lực tương ứng với nhu cầu trong quá trình sơ tuyển và nâng cao ý thức của các nhà thầu nhằm tăng cường chất lượng thi công;

- Năng lực nhà thầu công trình xây dựng phải đáp ứng và đảm bảo các yêu cầu về tài chính, nhân sự, thiết bị đáp ứng được yêu cầu của chỉ dẫn kỹ thuật, các kỹ năng quản lý để mang lại chất lượng tốt nhất cho công trình, dự án;

b. Đánh giá tổng thể để lựa chọn nhà thầu.

- Đánh giá về giá cả và chất lượng: Chất lượng được đưa ra để cạnh tranh không những đảm bảo chất lượng công trình được xây dựng mà còn bao gồm cả biện pháp thi công, công nghệ thi công, kỹ thuật thi công, biện pháp an toàn, biện pháp môi trường, các yếu tố khác như tiến độ, mức độ an toàn... làm cơ sở để lựa chọn nhà thầu có kết quả tối ưu nhất nhằm nâng cao chất lượng trong quá trình thi công, tính bền vững của công trình.

c. Các tiêu chí quan trọng trong việc lựa chọn nhà thầu:

- Lựa chọn nhà thầu có đủ trình độ chuyên môn kỹ thuật và kinh nghiệm phù hợp với độ phức tạp khác nhau của từng công trình, dự án cụ thể (xem xét mức độ đáp ứng về kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu so với yêu cầu công việc cần thực hiện);

- Đề ra các tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật cần được đánh giá về sự phù hợp giữa các giải pháp kỹ thuật thi công, biện pháp tổ chức tổng mặt bằng thi công xây dựng với tiến độ thi công và giá thầu được đề xuất;

- Tiến độ thi công công trình phù hợp với tiến độ của dự án, hồ sơ mời thầu và đảm bảo chất lượng, tuổi thọ công trình, mang lại hiệu quả kinh tế khi đưa dự án, công trình vào khai thác sử dụng;

- Ưu tiên lựa chọn nhà thầu có giải pháp kỹ thuật tốt nhất đồng thời đảm bảo giá thành và tiến độ dự án;

### **3.4 Phê duyệt biện pháp thi công của nhà thầu xây lắp**

Biện pháp thi công do nhà thầu thi công xây dựng lập và trình CĐT phê duyệt để triển khai thi công với mục tiêu đảm bảo hiệu quả về tiến độ và CLCTXD;

Lập biện pháp tổ chức thi công đòi hỏi phải cụ thể, chi tiết chính xác, tuân thủ đầy đủ nội dung các bước thiết kế trước đã khẳng định. Các tiêu chí chỉ thay đổi khi có lợi cho các dự án và không làm vượt kinh phí đã dự trù;

Nhà thầu xây lắp lập trình CĐT phê duyệt biện pháp thi công đảm bảo các nội dung sau:

- Lập bảng tiến độ thi công gồm: Tên và khối lượng các công tác (kể cả phần việc do các đơn vị xây lắp chuyên ngành đảm nhiệm) theo phân đoạn, trình tự thi công và công nghệ xây lắp; Trình tự và thời gian hoàn thành từng công tác xây lắp; Biểu đồ về nhân lực, tiêu thụ tài nguyên và thiết bị thi công;

- Biểu cung ứng đến công trường các loại tài nguyên theo tiến độ thi công (các chi tiết, cấu kiện, vật liệu xây dựng và thiết bị công nghệ);

- Lịch điều động nhân lực đến công trường theo số lượng và ngành nghề cần chú ý đến nhu cầu về công nhân có tay nghề đặc biệt; Lịch điều động các loại xe máy và thiết bị thi công chủ yếu

- Tổng mặt bằng thi công: Vị trí các hạng mục công trình xây dựng; Vị trí các tuyến đường tạm và vĩnh cửu (bao gồm các đường cho xe cơ giới, cho người đi bộ và các loại xe thô sơ; các tuyến đường chuyên dùng như: đường di chuyển của các loại cần trục, đường cho xe chữa cháy, đường cho người thoát hiểm khi có sự cố...); Vị trí các mạng lưới kỹ thuật phục vụ yêu cầu thi công (cấp điện, cấp nước, khí nén, hơi hàn...);

- Các biện pháp thoát nước khi mưa lũ; Vị trí và tầm hoạt động của các loại cần trục chính; Vị trí các kho, bãi để cấu kiện, vật liệu xây dựng, xe máy và các thiết bị thi công chủ yếu; Vị trí làm hàng rào ngăn vùng nguy hiểm, biện pháp chống sét để đảm bảo an toàn; Vị trí các nhà tạm và công trình, nhà xưởng phụ trợ phục vụ cho yêu cầu thi công chính;

- Sơ đồ mặt bằng bố trí mốc trắc đạc để kiểm tra vị trí lắp đặt các bộ phận kết cấu và thiết bị công nghệ, kèm theo các yêu cầu về thiết bị và độ chính xác về đo đạc.

- Các biện pháp về kỹ thuật và chỉ dẫn an toàn cho những công việc nguy hiểm như: gia cố thành hố móng, cố định tạm các kết cấu khối lắp ráp, mối nối tạm thời, bảo vệ cho chỗ làm việc trên cao...

- Hệ thống quản lý chất lượng sẽ áp dụng cho các nhà thầu.

- Các yêu cầu về kiểm tra và đánh giá chất lượng vật liệu cấu kiện và công trình (các chỉ dẫn về sai số giới hạn cho phép, các phương pháp và sơ đồ kiểm tra chất lượng). Lịch và nội dung nghiệm thu từng bộ phận công trình hoặc hạng mục xây dựng.

- Các biện pháp tổ chức: Phân chia các gói thầu, cách thức thực hiện lựa chọn nhà thầu phụ (B') và các hình thức hợp đồng, kèm theo là các hình thức tổ chức cung ứng các loại vật liệu thiết bị thi công cho các gói thầu phụ được tổ chức theo hình thức khoán này.

- Bản thuyết minh, trong đó nêu rõ:

+ Luận chứng và các bản vẽ chỉ dẫn về các biện pháp thi công được lựa chọn, đặc biệt chú ý đến các biện pháp thi công phức tạp, trong đó điều kiện thời tiết khắc nghiệt trong năm (nóng, lạnh, mưa, bão...);

+ Xác định nhu cầu về năng lượng (hơi hàn, khí nén, điện) nước phục vụ thi công và sinh hoạt của cán bộ, công nhân, các biện pháp chiếu sáng chung trong khu vực thi công và tại nơi làm việc.

+ Bảng kê các loại nhà tạm và công trình phụ trợ, kèm theo các bản vẽ và chỉ dẫn cần thiết khi xây dựng các nhà máy đó;

+ Biện pháp bảo vệ các mạng kỹ thuật đang vận hành khỏi bị hư hỏng trong quá trình thi công;

+ Xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu của các biện pháp thi công được lựa chọn như thời gian thi công, mức huy động nhân lực, tiền vốn;

- Đánh giá, kiểm tra chất lượng công tác xây lắp: Vẽ đầy đủ các mặt cắt các chi tiết cần thiết của các cấu kiện, bộ phận công trình phục vụ việc kiểm tra đánh giá chất lượng; Chỉ rõ vị trí cho phép có dung sai và trị số sai số giới hạn cho phép theo quy định của các tiêu chuẩn xây dựng hiện hành; Cách kiểm tra,

thời điểm kiểm tra và phương tiện dùng để kiểm tra; Phải dự kiến tất cả các công việc có thể gây nguy hiểm về cháy nổ để đề ra biện pháp phòng cháy, nổ cần thiết và những yêu cầu về bảo quản vật liệu cháy, nổ khi thi công gần những nơi để các vật liệu này.

### **3.5. Quản lý nghiệm thu chuyển tiếp, mối nối thi công**

- Các bộ phận bị che khuất của công trình phải được nghiệm thu theo chỉ dẫn kỹ thuật được phê duyệt và lập bản vẽ hoàn công, trước khi tiến hành những công việc tiếp theo;

- Không nghiệm thu hạng mục công trình, bộ phận công trình, công việc xây dựng sau khi sửa chữa hoặc xử lý gia cố nhưng vẫn không đáp ứng được yêu cầu bền vững và các yêu cầu sử dụng bình thường của công trình.

- Một số công tác thi công những phần khuất sau đây cần được lập biên bản nghiệm thu theo chỉ dẫn kỹ thuật được phê duyệt:

+ Chất lượng và trạng thái đất nền, chiều sâu chôn móng, kích thước móng, chất lượng khối xây móng, công tác chống thấm ở móng;

+ Khe lún và khe co giãn; Các lớp cách li trong khối xây;

+ Việc đặt cốt thép, các chi tiết bằng thép trong khối xây và các biện pháp chống gỉ;

+ Các chi tiết ngầm, neo cố định ô văng, ban công, sê nô;

+ Công tác lắp dựng và sai lệch cho phép;

- Thành phần tham gia nghiệm thu: Ban QLDA, Cán bộ giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư; Người phụ trách thi công trực tiếp của nhà thầu thi công xây dựng; chỉ cho phép thi công phần tiếp theo khi đã được nghiệm thu xác nhận hoàn toàn đạt yêu cầu chất lượng;

### **3.6. Kiểm soát vật liệu đầu vào và kết cấu lắp ghép**

Tất cả các loại vật liệu, thiết bị, sản phẩm chế tạo sẵn trước khi sử dụng vào công trình phải tiến hành kiểm tra, nghiệm thu chất lượng tại hiện trường;

- Đối với Nhà thầu cung ứng sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng:

+ Tổ chức thực hiện thí nghiệm kiểm tra chất lượng và cung cấp cho bên giao thầu (bên mua sản phẩm xây dựng) các chứng chỉ, chứng nhận, các thông tin, tài liệu có liên quan tới sản phẩm xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng, quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quy định của pháp luật khác có liên quan;

+ Kiểm tra chất lượng, số lượng, chủng loại của sản phẩm phù hợp với yêu cầu của hợp đồng xây dựng trước khi bàn giao cho bên giao thầu;

+ Thông báo cho bên giao thầu các yêu cầu về vận chuyển, lưu giữ, bảo quản sản phẩm xây dựng;

+ Thực hiện sửa chữa, đổi sản phẩm không đạt yêu cầu về chất lượng theo cam kết bảo hành sản phẩm xây dựng và quy định của hợp đồng xây dựng.

- Đối với nhà thầu chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện và thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng:

+ Trình bên giao thầu (bên mua) quy trình sản xuất, kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất, chế tạo và quy trình thí nghiệm, thử nghiệm theo yêu cầu của thiết kế;

+ Tổ chức chế tạo, sản xuất và thí nghiệm, thử nghiệm theo quy trình đã được bên giao thầu chấp thuận; tự kiểm soát chất lượng và phối hợp với bên giao thầu trong việc kiểm soát chất lượng trong quá trình chế tạo, sản xuất, vận chuyển và lưu giữ tại công trình;

+ Tổ chức kiểm tra và nghiệm thu trước khi bàn giao cho bên giao thầu;

+ Vận chuyển, bàn giao cho bên giao thầu theo quy định của hợp đồng;

+ Cung cấp cho bên giao thầu các chứng nhận, chứng chỉ, thông tin, tài liệu liên quan theo quy định của hợp đồng xây dựng, quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và của pháp luật khác có liên quan.

- Đối với bên giao thầu:

+ Quy định số lượng, chủng loại, các yêu cầu kỹ thuật của vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị trong hợp đồng với nhà thầu cung ứng; nhà thầu sản

xuất, chế tạo phù hợp với yêu cầu của thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật áp dụng cho công trình;

+ Kiểm tra số lượng, chủng loại, các yêu cầu kỹ thuật của vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị theo quy định trong hợp đồng; yêu cầu các nhà thầu cung ứng, sản xuất; chế tạo thực hiện trách nhiệm quy định trong hợp đồng trước khi nghiệm thu, cho phép đưa vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị vào sử dụng cho công trình;

+ Thực hiện kiểm soát chất lượng trong quá trình chế tạo, sản xuất theo quy trình đã thống nhất với nhà thầu.

- Đối với CĐT (tư vấn giám sát của CĐT):

+ Kiểm tra các hồ sơ chất lượng vật liệu, cấu kiện, thiết bị của nhà thầu xây lắp sẽ đưa vào công trình về sự phù hợp (chất lượng, quy cách, xuất xứ) của vật liệu, cấu kiện, thiết bị so với hồ sơ trúng thầu. Hồ sơ chất lượng vật liệu, cấu kiện, thiết bị gồm: Các chứng chỉ kỹ thuật xuất xưởng, chứng chỉ xác nhận chủng loại và chất lượng vật liệu, cấu kiện, thiết bị do nơi sản xuất cấp; các phiếu kiểm tra chất lượng vật liệu, cấu kiện, thiết bị do một tổ chức chuyên môn, tổ chức khoa học có tư cách pháp nhân sử dụng phòng thí nghiệm hợp chuẩn thực hiện (nếu cần)

+ Kiểm tra chất lượng vật liệu, cấu kiện, thiết bị trước khi đưa vào công trường: Các vật liệu, cấu kiện, thiết bị trước khi đưa vào công trường đều phải được kiểm tra về chủng loại, quy cách, xuất xứ theo hồ sơ chất lượng đã được chủ đầu tư chấp thuận. Kết quả kiểm tra phải được lập thành biên bản, ghi rõ chủng loại, quy cách, số lượng vật liệu, cấu kiện, thiết bị đưa vào công trường từng đợt, có ký xác nhận của đại diện của các bên.

### **3.7. Quản lý, thực hiện chỉ dẫn kỹ thuật của Chủ đầu tư**

Chỉ dẫn kỹ thuật [4] do chủ đầu tư giao cho đơn vị tư vấn lập, làm căn cứ pháp luật giải quyết các bất đồng trong quá trình thi công xây dựng.

Các yêu cầu lập Chỉ dẫn kỹ thuật:

- Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình xây dựng được phê duyệt và yêu cầu của thiết kế xây dựng công trình, bao gồm phần chỉ dẫn chung và các chỉ dẫn kỹ thuật cụ thể cho từng loại công việc xây dựng chủ yếu.

- Thể hiện rõ những yêu cầu kỹ thuật mà nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện; trong đó nêu rõ các sai số cho phép trong thi công xây dựng, các yêu cầu kỹ thuật và quy trình kiểm tra đối với vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình và thiết bị công nghệ được sử dụng, lắp đặt vào công trình.

Chỉ dẫn kỹ thuật được tư vấn lập và Chủ đầu tư phê duyệt là một thành phần của hồ sơ mời thầu thi công xây dựng, làm cơ sở để quản lý thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng và nghiệm thu công trình.

Trong quá trình thi công xây dựng công trình, trường hợp cần thiết các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng công trình có thể trình chủ đầu tư phê duyệt bổ sung các nội dung chi tiết của chỉ dẫn kỹ thuật;

### **3.8. Xử lý sai phạm kỹ thuật tại công trường, giao ban về CLCT**

#### **a. Xử lý các sai phạm kỹ thuật tại công trường**

Các bên có liên quan có trách nhiệm theo dõi và kiểm tra việc sửa chữa, khắc phục các các tồn tại về chất lượng nêu tại mục 1.3.6 đảm bảo không ảnh hưởng đến chất lượng chung, độ bền vững cũng như các điều kiện sử dụng bình thường của công trình sau này;

- Đối với công tác cốt san nền, độ dốc thoát nước:

Tiến hành đo đạc kiểm tra vị trí và kích thước hình học của các hạng mục, hệ thống kỹ thuật so với các tham số trong hồ sơ thiết kế;

Xử lý các vị trí mặt bằng, độ cao, kích thước hình học của các hạng mục phải đảm bảo yêu cầu thiết kế, hồ sơ dự thầu được duyệt và thi công theo TCVN 4447:2012 “ Công tác đất – Thi công và nghiệm thu;

Các máy móc, thiết bị đo đạc kiểm tra phải có độ chính xác tương đương với các thiết bị dùng trong giai đoạn thi công. Tất cả máy móc này đều phải



được kiểm nghiệm đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo yêu cầu của các quy phạm, tiêu chuẩn hiện hành.

- Đối với đoạn kè bị phương tiện vận chuyển ra vào công trường làm vỡ: Tiến hành dỡ bỏ phần kè bị vỡ và sửa chữa xây lại đảm bảo chất lượng theo TCVN 4085-2011 “Kết cấu gạch đá- tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu” đồng thời giám sát, quản lý các phương tiện vận chuyển ra vào công trường chặt chẽ trong quá trình thi công công trình;

- Vị trí một số đắp đất mang cống ngang đường có lẫn đá kích thước vượt tiêu chuẩn, thống thoát nước mưa và nước thải chưa đảm bảo độ chặt: Đào bóc lớp đất, đá tại các vị trí chưa đảm bảo, thay thế bằng vật liệu có kích đúng tiêu chuẩn và giám sát chặt chẽ việc lu nèn theo TCVN 4447:2012 “ Công tác đất – Thi công và nghiệm thu”;

- Với các vị trí xây dựng mương thoát nước: Thực hiện đầy đủ biện pháp thi công được duyệt (ngăn cách hố móng bằng việc đắp đê quai với dòng chảy để tạo điều kiện cho công tác thi công ở hố móng được khô ráo;

#### b. Giao ban về chất lượng công trình

Giao ban chất lượng công trình nhằm nắm tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ công việc; trao đổi xử lý, giải quyết các công việc thường xuyên giữa các chủ thể tham gia tại công trường;

Tùy vào điều kiện, thời gian cụ thể việc giao ban được diễn ra hàng ngày giữa CĐT và các đơn vị liên quan về nội dung: Xem xét, chỉ đạo tình hình thực hiện các công việc trọng tâm, tiến độ thực hiện theo biện pháp thi công được phê duyệt, xử lý các vấn đề phát sinh về chất lượng tại công trường;

Trao đổi các ý kiến trực tiếp tại cuộc họp và đưa ra kết luận hướng xử lý, giải quyết có hiệu quả nhất về các nội dung, vướng mắc cũng như trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình triển khai thực hiện thi công công trình;

### **3.9. Tăng cường cơ sở vật chất,**

Hàng tháng các phòng, ban chuyên môn thuộc CĐT căn cứ nhu cầu công việc lập danh sách các phương tiện thiết bị làm việc cần sửa chữa, nâng cấp, thay thế mới làm gửi CĐT làm cơ sở để sửa chữa, mua sắm;

CĐT thường xuyên kiểm tra tình trạng, trang thiết bị phương tiện làm việc của cán bộ phòng, ban chuyên môn thuộc CĐT (máy tính, thiết bị văn phòng, máy chiếu, máy ảnh, phần mềm về xây dựng, áp dụng công nghệ thông tin...) kịp thời sửa chữa thay thế hoặc trang bị mới các phương tiện thiết bị nhằm đáp ứng yêu cầu trong quá trình xử lý công việc.

### **3.10. Lưu trữ, quản lý hồ sơ xây dựng công trình**

Hồ sơ quản lý chất lượng cần được bố trí sắp xếp khoa học tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện và phục vụ kịp thời cho công tác thanh, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước;

Công tác lưu trữ hồ sơ quản lý đầu tư xây dựng công trình thường phải lưu trữ nhiều năm phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, do đó công tác lưu trữ phải được quan tâm đúng mức về diện tích, mặt bằng, vị trí lưu trữ nhất là công tác phòng chống cháy nổ, chống ẩm, chống mối mọt đảm bảo hồ sơ lưu trữ được lâu dài, không thất lạc;

Chủ đầu tư tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng khi tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình đưa vào khai thác sử dụng; các loại hồ sơ lưu trữ gồm: Hồ sơ chuẩn bị đầu tư và hợp đồng xây dựng, hồ sơ khảo sát và thiết kế xây dựng công trình, hồ sơ QLCL thi công công trình.

### **3.11. Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn của các cơ quan QLNN**

Các văn bản quy phạm pháp luật mới về đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng CXTD phải thường xuyên cập nhật hướng dẫn, phổ biến đến các thủ thể tham gia hoạt động xây dựng thông qua các hội thảo, hội nghị do cơ quan quản lý về xây dựng tổ chức trên địa bàn;

Tăng cường công tác thanh, kiểm tra các chủ thể tham gia hoạt động trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, xử lý và kiến nghị nghiêm các vi phạm (nếu có) trong

quá trình thanh, kiểm tra theo quy định; kiến nghị, đưa ra các biện pháp chấn chỉnh, ngăn chặn kịp thời các vấn đề thường xuyên xảy ra sai phạm trong hoạt động xây dựng;

Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước về CLCT xây dựng đối với các chủ thể tham gia hoạt động trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, xây dựng và ban hành các quy định về QLCLCT xây dựng nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về CLCT xây dựng;

### **3.12. Nhận xét chương III**

Trên cơ sở phân tích thực trạng về quản lý chất lượng thi công công trình ở chương I, cơ sở khoa học và pháp lý ở chương II. Tác giả đã đề xuất các giải pháp quản lý dự án, cơ cấu tổ chức, biện pháp thi công, công tác quản lý nghiệm thu phần khuất, kiểm soát vật liệu đầu vào, tăng cường cơ sở vật chất và xử lý các tồn tại trong quá trình thi công nhằm hoàn thiện công tác quản lý CLCT tại Ban QLDA công trình Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới phía Đông hòn cạp bè thành phố Hạ Long;

# KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

## 1. Kết luận

Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn, tác giả đã tập chung nghiên cứu những vấn đề liên quan đến công tác quản lý chất lượng công trình nói chung, chất lượng thi công công trình hạ tầng xây dựng nói riêng. Qua quá trình thu thập số liệu và phân tích tác giả thu được các kết quả nhất định.

Với đề tài: “*Giải pháp quản lý chất lượng công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè- thành phố Hạ Long*”, luận văn đã trình bày được các nội dung sau:

Tổng quát về quản lý chất lượng công trình, nêu ra thực trạng công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam hiện nay nói chung và ở thành phố Hạ Long nói riêng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật;

Giới thiệu về dự án, công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè- thành phố Hạ Long, mô hình quản lý dự án, chức năng nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Chủ đầu tư;

Các hoạt động quản lý chất lượng thi công công trình, đánh giá thuận lợi, khó khăn, ưu điểm, hạn chế, một số nguyên nhân thực trạng của công tác quản lý CLCT Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới phía Đông hòn Cặp Bè- thành phố Hạ Long;

Làm rõ các khái niệm cơ bản về chất lượng và quản lý CLCT xây dựng, làm rõ được mức độ quan trọng cũng như vai trò công tác quản lý chất lượng hiện nay;

Chứng minh các cơ sở khoa học về quản lý CLCT xây dựng; đề xuất các biện pháp đảm bảo, kiểm soát CLCT xây dựng; trình bày rõ các đặc điểm và các ảnh hưởng tới chất lượng của công trình xây dựng;

Trình bày cơ sở pháp lý về quản lý CLCT xây dựng của Trung ương, của địa phương tỉnh Quảng Ninh;

Trên cơ sở khoa học, pháp lý và thực trạng, luận văn cũng đã đề xuất các giải pháp quản lý, giải pháp kỹ thuật trong quá trình thi công nhằm nâng cao

CLCT xây dựng thể đảm bảo chất lượng, tăng tuổi thọ và hiệu quả sử dụng công trình; Các giải pháp đề xuất là:

- Mô hình quản lý dự án
- Giải pháp cơ cấu tổ chức
- Giải pháp lựa chọn nhà thầu xây dựng và tư vấn giám sát
- Phê duyệt biện pháp thi công của nhà thầu xây lắp
- Quản lý nghiệm thu phần khuất, mối nối
- Kiểm soát vật liệu đầu vào và kết cấu lắp ghép
- Quản lý, thực hiện chỉ dẫn kỹ thuật của Chủ đầu tư
- Xử lý sai phạm kỹ thuật tại công trường, giao ban về CLCT
- Tăng cường cơ sở vật chất, quản lý hồ sơ xây dựng công trình
- Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn của các cơ quan QLNN

## **2. Kiến nghị**

Hiện nay trình độ, năng lực và cơ cấu tổ chức của đa số Ban QLDA đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh chưa đủ điều kiện thực hiện theo quy định. Do đó, Tỉnh cần có văn bản hướng dẫn các chủ đầu tư thực hiện đúng các quy định về năng lực, nhiệm vụ được giao, các quy định chế tài và cả những quy định quyền hạn của Chủ đầu tư đảm bảo các Ban QLDA phải đủ điều kiện và có tính chất chuyên nghiệp trong quản lý đầu tư xây dựng;

Giám sát về quản lý nhà nước đối với các Chủ đầu tư, yêu cầu phải có đầy đủ năng lực pháp lý và năng lực thực hiện mới được quản lý theo hình thức Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án, còn lại các Chủ đầu tư không đủ năng lực quản lý thì thuê tư vấn nhưng phải có sự tham gia của cán bộ chuyên môn về xây dựng của cơ quan quản lý trong Ban QLDA để hướng dẫn Chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện, tránh tình trạng giao toàn bộ các khâu của quá trình cho tư vấn QLDA, tư vấn giám sát thi công;

Nâng cao năng lực chuyên môn của các cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư, các nhà thầu khi tham gia các dự án xây dựng. Nâng cao ý thức trách nhiệm của các chủ thể khi tham gia các dự án xây dựng.

Tăng cường sự phối kết hợp trong công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng giữa các bên khi tham gia công tác đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng từ Trung ương đến địa phương cần thực hiện việc rà soát và hệ thống hóa văn bản pháp luật để làm cơ sở xây dựng và ban hành các văn bản hợp nhất hoặc sửa đổi, bổ sung hủy bỏ các văn bản không còn phù hợp, đảm bảo việc hiểu và thực hiện các điều khoản được thống nhất trong mọi vùng, giữa các chủ thể, các hạn chế những điểm chưa nhất quán, tạo ra kẽ hở trong thực tế khi thực hiện, ảnh hưởng đến công tác quản lý CLCT; cụ thể:

- Đối với Bộ Xây dựng: Sớm ban hành thông tư hướng dẫn về quản lý chất lượng công trình xây dựng, làm cơ sở cho địa phương ban hành quy định triển khai thực hiện do hiện nay một số Điều của Nghị định 46/NĐ-CP ngày 12/5/2015 chưa được hướng dẫn chi tiết nhất là công tác bảo trì công trình xây dựng; Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng thay thế Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 do Luật Xây dựng 2014 đã có hiệu lực;

- Đối với tỉnh: Tổ chức lại hoạt động và thành lập các Ban QLDA đầu tư xây dựng chuyên ngành, khu vực theo quy định Nghị định 59/2015/NĐ-CP và Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 hướng dẫn một số Điều của Nghị định 59/2015/NĐ-CP về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (Điểm a, Khoản 3, Điều 20 Thông tư 16/2016/TT-BXD yêu cầu hoàn thành trước 31/10/2016);

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.
2. Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013.
3. Chính phủ- Nghị định 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
4. Chính phủ- Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình.
5. Chính phủ- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
6. Chính phủ- Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
7. Chính phủ (2015), Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;
8. Đỗ Đình Đức- Bùi Mạnh Hùng- 2012 Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, NXBXD
9. Bộ Xây dựng- Thông tư 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 hướng dẫn một số Điều của Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng.
10. Bộ Xây dựng- Thông tư 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.
11. Bộ Xây dựng- Tiêu chuẩn xây dựng TCXDVN 371 : 2006 " Nghiệm thu chất lượng thi công công trình xây dựng" ban hành theo Quyết định số 41/2006/QĐ-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2006.
12. Bộ Xây dựng- Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2015 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2016 của ngành xây dựng- ngày 15/1/2015;

13. Bộ Xây dựng- Quyết định số 09/QĐ-BXD ngày 11/01/2016 về công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng năm 2015;

14. UBND tỉnh Quảng Ninh (2016)- Quyết định số 2999/2016/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND tỉnh “Quy định hướng dẫn quản lý dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”